

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma

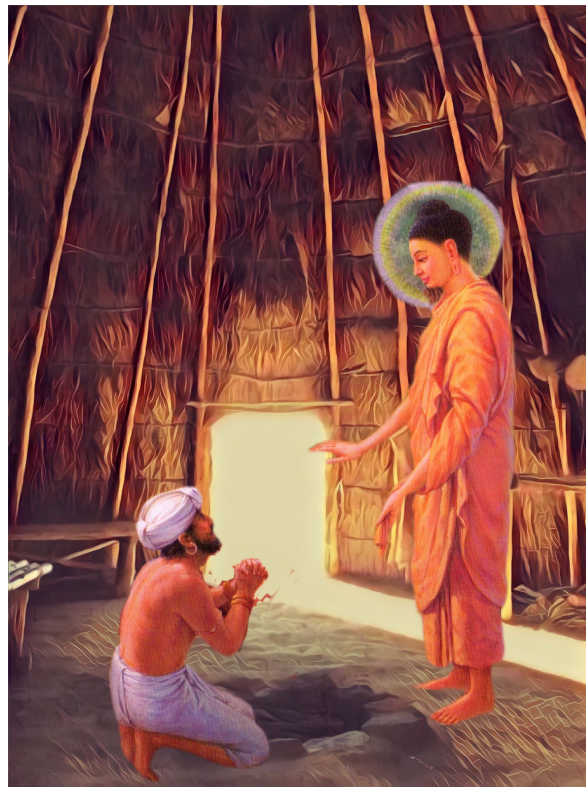
Giáo Trình Trung Bộ Kinh – Majjhima Nikāya

Bài học ngày 14.4.2020

140. Kinh Giới Phân Biệt (Dhātuvibhaṅga Sutta)

Thấy được Pháp, nhận ra Phật

Cụm từ dhātuvibhaṅga có nghĩa là sự giảng rộng hay phân tích về các nguyên tố. Bốn đề tài uẩn, xứ, giới, để được đề cập một cách chi tiết trong 12 bài kinh của phẩm vibhaṅga. Trong kinh này Pukkusāti gặp Phật nhưng không nhận ra Phật. Tuy vậy sau khi thấy Pháp thì thấy được Phật. Bậc Vô Thượng Điều Ngự đã khai thị cho con người hữu tâm hữu chí này là sự giảng giải về những nguyên tố của đời sống và lời dạy hàm súc: Chớ xao lãng tuệ quán, hãy bảo vệ chân đế, huân tu hạnh buông xả, tập sống trong an tịnh (paññam nappamajjeyya, saccamanurakkheyya, cāgamanubrūheyya, santimeva so sikkheyyā'ti).



651. Hai vị vua cùng ở trọ trong nhà chứa cỏ

Pukkusāti là vua của xứ Takkasilā do được Phật ngôn khắc trên những bảng vàng do vua Bimbisāra gửi tặng nên phát tâm xuất gia cầu giải thoát. Vị này cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục người tu hướng về Sāvattthī cầu gặp Phật. Đấng Pháp Vương quán sát thấy duyên lành của vị này nên đã đích thân gặp vị này trong một nhà chứa cỏ ở trọ qua đêm dọc đường:



Kinh Văn

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn du hành ở xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), đi đến Rājagaha (Vương xá), đến nhà thợ gốm Bhaggava; sau khi đến nói với thợ gốm Bhaggava:

-- Nay Bhaggava, nếu không gì phiền phức cho Ông, Ta muốn ở tại chỗ này một đêm.

Bạch Thế Tôn không có gì phiền phức cho con. Ở đây đã có một vị xuất gia đến ở từ trước rồi. Nếu vị ấy thỏa thuận, bạch Thế Tôn, hãy ở lại tùy theo sở thích.

Lúc bấy giờ, Thiện gia nam tử Pukkusāti, do lòng tin, y cứ Thế Tôn đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy đã đến ở trước tại trú xứ của thợ gốm. Rồi Thế Tôn đi đến Tôn giả Pukkusāti; sau khi đến nói với Pukkusāti:

-- Nay Tỷ-kheo, nếu không gì phiền phức cho Ông, Ta muốn ở lại trú xứ này một đêm.

-- Rộng rãi, thưa Hiền giả, là trú xứ của thợ gốm. Tôn giả có thể ở, tùy theo sở thích.

Rồi Thế Tôn sau khi bước vào trú xứ của thợ gốm, trải thảm cỏ vào một bên, ngồi kiết-già, lưng thẳng và an trú niệm trước mặt. Và Thế Tôn trải qua phần lớn đêm ấy, ngồi (như vậy). Tôn giả Pukkusāti trải qua phần lớn đêm ấy cũng ngồi (như vậy). Rồi Thế Tôn suy nghĩ: "Cử chỉ Thiện gia nam tử này có vẻ tín thành, Ta hãy hỏi vị ấy". Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Pukkusāti:

-- Nay Tỷ-kheo, Ông xuất gia, y cứ vào ai? Ai là Đạo sư của Ông? Ông chấp nhận pháp của ai?

-- Thừa Hiền giả, có Sa môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích Ca. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Thế Tôn Gotama ấy: "Ngài là bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn". Tôi đã xuất gia, y cứ bậc Thế Tôn ấy. Ngài là bậc Đạo sư của tôi. Và tôi chấp thuận pháp của bậc Thế Tôn ấy.

-- Nay Tỷ-kheo, nay Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy ở đâu?

-- Thừa Hiền giả, có một thành phố tên là Sāvattihī giữa các quốc độ phía Bắc. Tại đây, Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác hiện nay đang ở.

-- Nay Tỷ-kheo, trước đây Ông đã thấy bậc Thế Tôn ấy chưa? Và nếu thấy, Ông có nhận ra được không?

-- Thừa Hiền giả, trước đây tôi chưa từng thấy bậc Thế Tôn ấy. Và nếu thấy, tôi không nhận ra được.

652. Quán chiếu pháp giới trong ngôn ngữ cô đọng nhất

Đức Thế Tôn mở đầu pháp thoại với sự tóm lược về con đường giác ngộ:



Kinh Văn

Rồi Thế Tôn suy nghĩ: "Thiện gia nam tử này xuất gia y cứ nơi Ta. Vậy Ta hãy thuyết pháp cho (Thiện gia nam tử) ấy". Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Pukkusāti:

-- Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

-- Thừa Hiền giả vâng.

Tôn giả Pukkusāti vâng đáp Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau:

-- Nay Tỷ-kheo, người này có sáu giới, sáu xúc xú, mười tám ý hành, bốn thắng xú, khi được an trú, vọng tưởng không có chuyển động. Khi vọng tưởng không chuyển động, vị ấy được gọi là một ẩn sĩ tịch tịnh. Chớ có buông lung trí tuệ, hãy hộ trì chân

đế, hãy tăng trưởng huệ thí (cāga), hãy tu học tịch tịnh. Đây là tổng thuyết sáu giới phân biệt.

653. Những nguyên tố của vạn hữu

Nếu nhìn vào những nguyên tố cấu thành sự hiện hữu sẽ xoá được ảo giác:



Kinh Văn

Này Tỷ-kheo, khi được nói đến "Người này có sáu giới", do duyên gì được nói đến như vậy? Địa giới, (thủy giới), hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới. Này Tỷ-kheo, khi được nói đến "Người này có sáu giới", chính do duyên này được nói đến như vậy.

Này các Tỷ-kheo, khi được nói đến "Người này có sáu xúc xứ", do duyên gì được nói đến như vậy? Nhãn xúc xứ, nhĩ xúc xứ, tỷ xúc xứ, thiệt xúc xứ, thân xúc xứ, ý xúc xứ. Khi được nói đến "Người này có sáu xúc xứ", chính do duyên này được nói đến như vậy.

Này Tỷ-kheo, khi được nói đến "Người này có mười tám ý hành", do duyên gì được nói đến như vậy? Khi con mắt thấy sắc, người ấy chạy theo sắc, chỗ trú xứ của hỷ, chạy theo sắc chỗ trú xứ của ưu, chạy theo sắc chỗ trú xứ của xả, khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức pháp, người ấy chạy theo pháp, chỗ trú xứ của hỷ, người ấy chạy theo pháp, chỗ trú xứ của ưu, người ấy chạy theo pháp, chỗ trú xứ của xả. Như vậy có sáu hỷ hành, sáu ưu hành, sáu xả hành. Khi được nói đến "Người này có mười tám ý hành" chính do duyên này được nói đến như vậy.

654. Bốn phương châm của hành giả

Bốn trọng tâm mà người tu tập cần luôn tâm niệm là: không xa rời trí tuệ, tôn trọng sự thật, học hạnh buông xả và tôi luyện trong tịch tịnh:



Kinh Văn

Này Tỷ-kheo, khi được nói đến "Người này có bốn thắng xứ", do duyên gì được nói đến như vậy? Tuệ thắng xứ, đề thắng xứ, huệ thí thắng xứ, tịch tịnh thắng xứ. Khi được nói đến "Người này có bốn thắng xứ", chính do duyên này được nói đến như vậy.

Khi được nói đến "Chớ có buông lung trí tuệ, hãy hộ trì chân đế, hãy tăng trưởng huệ thí, hãy tu học tịch tịnh", do duyên gì được nói đến như vậy?

Thế nào là không buông lung trí tuệ? Có sáu giới này: địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới.

Này Tỷ-kheo, thế nào là địa giới? Có nội địa giới và có ngoại địa giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là nội địa giới? Cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, kiên cứng, thô phù, bị chấp thủ, như tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bao tử, phân và bất cứ vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, kiên cứng, thô phù, bị chấp thủ. Như vậy, này Tỷ-kheo, được gọi là nội địa giới. Những gì thuộc nội địa giới và những gì thuộc ngoại địa giới đều thuộc về địa giới. Địa giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát địa giới với chánh trí tuệ như vậy, vì ấy sanh yếm ly đối với địa giới, tâm từ bỏ địa giới.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thủy giới? Có nội thủy giới, có ngoại thủy giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là nội thủy giới? Cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc nước, thuộc chất lỏng, bị chấp thủ, như mật, đàm (niêm dịch), mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu, và bất cứ vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc nước, thuộc chất lỏng, bị chấp thủ. Như vậy, này Tỷ-kheo, được gọi là thủy giới. Những gì thuộc nội thủy giới và những gì thuộc ngoại thủy giới đều thuộc về thủy giới. Thủy giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là

tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát thủy giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với thủy giới, tâm từ bỏ thủy giới.

Và này Tỷ-kheo, thế nào là hỏa giới? Có nội hỏa giới, có ngoại hỏa giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là nội hỏa giới? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc cá nhân, thuộc lửa, thuộc chất nóng, bị chấp thủ. Như cái gì khiến cho hâm nóng, khiến cho hủy hoại, khiến cho thiêu cháy, cái gì khiến cho những vật được ăn, uống, nhai, nếm, có thể khéo tiêu hóa, hay tất cả những vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc lửa, thuộc chất nóng, bị chấp thủ. Đây Tỷ-kheo, như vậy được gọi là nội hỏa giới. Những gì thuộc nội hỏa giới và những gì thuộc ngoại hỏa giới đều thuộc về hỏa giới. Hỏa giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát hỏa giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với hỏa giới, tâm từ bỏ hỏa giới.

Và này Tỷ-kheo, thế nào là phong giới? Có nội phong giới, có ngoại phong giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là nội phong giới? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc tánh động, bị chấp thủ, như gió thổi lên, gió thổi xuống, gió trong ruột, gió trong bụng dưới, gió thổi ngang các đốt, các khớp, hơi thở vô, hơi thở ra, và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc tánh động, bị chấp thủ. Đây Tỷ-kheo, như vậy được gọi là nội phong giới. Những gì thuộc nội phong giới và những gì thuộc ngoại phong giới đều thuộc về phong giới. Phong giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát phong giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với phong giới, tâm từ bỏ phong giới.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hư không giới? Có nội hư không giới, có ngoại hư không giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là nội hư không giới? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc cá nhân, thuộc hư không, thuộc hư không tánh, bị chấp thủ, như lỗ tai, lỗ mũi, cửa miệng, do cái gì người ta nuốt, những gì được nhai, được uống, được ăn, được nếm, và tại chỗ mà những gì được nhai, được uống, được ăn, được nếm, được giữ lại, và ngang qua chỗ mà những gì được nhai, được uống, được ăn, được nếm và được tống xuất xuống phần dưới để ra ngoài, và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc hư không, thuộc hư không tánh, bị chấp thủ. Đây Tỷ-kheo, như vậy được gọi là nội hư không giới. Những gì thuộc nội hư không giới và ngoại hư không giới đều thuộc về hư không giới. Hư không ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát hư không giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với hư không giới, tâm từ bỏ hư không giới.

Lại nữa, khi thức còn lại được trong sạch, trong trắng, vị ấy biết được một số sự việc nhờ thức ấy. Vị ấy thức tri được lạc, thức tri được khổ, thức tri được bất khổ bất lạc. Nay Tỷ-kheo, duyên lạc xúc, lạc thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác lạc thọ, tuệ tri rằng: "Tôi cảm giác lạc thọ". Do lạc xúc diệt đi, lạc thọ do lạc xúc được khởi lên được cảm giác, vị ấy biết: "Lạc thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt". Nay Tỷ-kheo, duyên khổ xúc, khổ thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác khổ thọ, tuệ tri rằng: "Tôi cảm giác khổ thọ". Do khổ xúc ấy diệt đi, khổ thọ do khổ xúc được khởi lên, được cảm giác, vị ấy biết: "Khổ thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt". Nay Tỷ-kheo, duyên bất khổ bất lạc xúc, bất khổ bất lạc thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác bất khổ bất lạc thọ, tuệ tri rằng: "Tôi cảm giác bất khổ bất lạc thọ". Do bất khổ bất lạc thọ xúc ấy diệt đi, bất khổ bất lạc thọ do bất khổ bất lạc xúc được khởi lên, được cảm giác, vị ấy tuệ tri: "Bất khổ bất lạc thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt".

Nay Tỷ-kheo, ví như do hai cây que xúc chạm cọ xát, hơi nóng được sanh, ngọn lửa được hiện khởi. Khi hai que ấy được rời nhau, được phân ly, sức nóng được sanh khởi ấy, sức nóng ấy được diệt đi, được chấm dứt. Cũng vậy, nay Tỷ-kheo, duyên lạc xúc, lạc thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác lạc thọ tuệ tri rằng: "Tôi đang cảm giác lạc thọ". Do lạc xúc ấy diệt đi, lạc thọ do lạc xúc được khởi lên, được cảm giác vị ấy tuệ tri: "Lạc thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt". Nay Tỷ-kheo, duyên khổ xúc khổ thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác khổ thọ tuệ tri rằng: "Tôi đang cảm giác khổ thọ". Do khổ xúc ấy diệt đi, khổ thọ do khổ xúc được khởi lên, được cảm giác, vị ấy biết: "Khổ thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt". Nay Tỷ-kheo, duyên bất khổ bất lạc xúc, bất khổ bất lạc thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác bất khổ bất lạc thọ, tuệ tri rằng: "Tôi cảm giác bất khổ bất lạc thọ". Do bất khổ bất lạc thọ xúc ấy diệt đi, bất khổ bất lạc thọ do bất khổ bất lạc xúc được khởi lên, được cảm giác, vị ấy tuệ tri: "Bất khổ bất lạc thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt".

Lại nữa, xá còn lại được trong sạch, trong trắng, nhu nhuyễn, dễ uốn nắn, chói sáng. Ví như, nay Tỷ-kheo, một người thợ vàng thiện xảo hay người thợ sửa soạn lò đúc; sau khi sửa soạn lò đúc xong, người ấy đốt lửa miệng lò đúc; sau khi đốt lửa miệng lò đúc, người ấy dùng kèm kẹp lấy vàng và đặt vàng vào trong miệng lò; rồi thỉnh thoảng người ấy thổi trên ấy, thỉnh thoảng người ấy tưới nước trên ấy, thỉnh thoảng người ấy quán sát thật kỹ... vàng ấy đã trở thành sáng sủa, thanh tịnh, gột sạch, các uế tạp được đoạn trừ, các tỳ vết được trừ sạch, nhu nhuyễn, dễ uốn nắn và chói sáng... và nếu người ấy muốn làm đồ trang sức nào, hoặc vòng nhẫn, hoặc bông tai, hoặc vòng cổ, hoặc vòng hoa vàng, thì vàng ấy có thể dùng vào mục đích ấy. Cũng vậy, nay Tỷ-kheo, lại nữa xá còn lại được trong sạch, trong trắng, nhu nhuyễn, dễ uốn nắn, chói sáng.

Người ấy tuệ tri như sau: "Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Hư không vô biên xứ, và tu tập tâm ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đây, chấp thủ tại đây được an trú nơi ta trong một thời gian dài. Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Thức vô biên xứ và tu tập tâm của ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đây, chấp thủ tại đây được an trú nơi ta trong một thời gian dài. Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Vô sở hữu xứ, và tu tập tâm ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đây, chấp thủ tại đây, được an trú nơi ta trong một thời gian dài. Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Phi tướng phi phi tướng xứ, và tu tập tâm của ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đây, chấp thủ tại đây, được an trú nơi ta trong một thời gian dài".

Người ấy tuệ tri như sau: "Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Hư không vô biên xứ... Thức vô biên xứ... Vô sở hữu xứ... Phi tướng phi phi tướng xứ, và tu tập tâm của ta tùy theo pháp ấy, thời (xả) ấy trở thành pháp hữu vi". Vị ấy không tác thành, không suy tưởng đến hữu hay phi hữu. Do không tác thành, không suy tưởng đến hữu hay phi hữu, vị ấy không chấp thủ một sự vật gì ở đời; chấp thủ không quấy rối vị ấy; do chấp thủ không quấy rối vị ấy, vị ấy tự chứng Niết-bàn, và vị ấy tuệ tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những điều nên làm đã làm, không còn trở lại trạng thái như thế nữa".

Nếu vị ấy cảm giác lạc thọ, vị ấy tuệ tri: "Thọ ấy là vô thường"; vị ấy tuệ tri: "Không nên đắm trước"; vị ấy tuệ tri: "Không phải là đối tượng để hoan hỷ". Nếu vị ấy cảm giác khổ thọ, vị ấy tuệ tri: "Thọ ấy là vô thường"; vị ấy tuệ tri: "Không nên đắm trước"; vị ấy tuệ tri: "Không phải là đối tượng để hoan hỷ". Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ, vị ấy tuệ tri: "Thọ ấy là vô thường"; vị ấy tuệ tri: "Không nên đắm trước"; vị ấy tuệ tri: "Không phải là đối tượng để hoan hỷ". Nếu cảm giác lạc thọ, không có hệ phược, vị ấy cảm giác thọ ấy. Nếu vị ấy cảm giác khổ thọ, không có hệ phược, vị ấy cảm giác thọ ấy. Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ, không có hệ phược, vị ấy cảm giác thọ ấy. Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ với thân là tối hậu, vị ấy tuệ tri: "Ta cảm giác một cảm thọ với thân là tối hậu. Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ với sinh mạng là tối hậu, vị ấy tuệ tri: "Ta cảm giác một cảm thọ với sinh mạng là tối hậu"; vị ấy tuệ tri: "Sau khi thân hoại mạng chung, mọi cảm thọ hoan hỷ ở nơi đây trở thành thanh lương".

Ví như, này Tỷ-kheo, như ngọn đèn dầu được cháy nhờ dầu và tim. Khi dầu và tim diệt tận, và không có vật liệu khác được đem đến, ngọn đèn dầu ấy bị diệt tắt... Cũng vậy, này Tỷ-kheo, khi cảm giác một cảm thọ lấy thân làm tối hậu, vị ấy tuệ tri: "Tôi cảm giác một cảm thọ lấy thân làm tối hậu". Khi cảm giác một cảm thọ lấy sinh mạng làm tối hậu, vị ấy tuệ tri: "Tôi cảm giác một cảm thọ lấy sinh mạng làm tối

hậu"; vị áy tuệ tri: "Sau khi thân hoại mạng chung, mọi cảm thọ hoan hỷ ở nơi đây trở thành thanh lương".

Do vậy, Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu với tối thắng tuệ thắng xứ này. Vì rằng, này Tỷ-kheo, như vậy là tối thắng Thánh tuệ, nghĩa là trí, biết sự đoạn tận mọi đau khổ.

Sự giải thoát ấy của vị này, an trú vào chân đế, không bị dao động. Này Tỷ-kheo, cái gì có thể đưa đến hư vọng, thời thuộc về hư vọng. Cái gì không thể đưa đến hư vọng, thời thuộc về chân đế, Niết-bàn. Do vậy, vị Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu với tối thắng đế thắng xứ này. Vì rằng, này Tỷ-kheo, như vậy là tối thắng Thánh đế, tức là Niết-bàn, không có thể đưa đến hư vọng.

Và những sanh y vô trí thức trước của nó đã được đầy đủ, đã được thành tựu. Chúng được đoạn tận, chặt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không thể hiện hữu nữa trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Do vậy, một Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu với tối thắng huệ thí thắng xứ này. Vì rằng này Tỷ-kheo, như vậy là tối thắng Thánh huệ thí, tức là sự xả ly tất cả sanh y.

Và tham ái vô trí thức trước của nó, thuộc tham dục, tham nhiễm; pháp ấy được đoạn tận, chặt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không thể hiện hữu nữa trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Và sự phẫn nộ vô trí thức trước của nó, thuộc sân hận, thuộc tội quá; pháp ấy được đoạn tận, cắt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không thể hiện hữu nữa trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Và vô minh vô trí thức trước của nó, thuộc si mê, thuộc tội quá; pháp ấy được đoạn tận cắt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không thể hiện hữu trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Do vậy, Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu với tối thắng tịch tịnh thắng xứ. Này Tỷ-kheo, như vậy là tối thắng Thánh tịch tịnh, tức là sự tịch tịnh tham sân si.

Khi được nói đến "Chớ có buông lung trí tuệ, hãy hộ trì chân đế, hãy làm cho sung mãn huệ thí, hãy tu học tịch tịnh", chính do duyên này được nói đến như vậy.

Khi được nói đến "Khi được an trú, vọng tưởng không có chuyển động. Khi vọng tưởng không chuyển động, vị ấy được gọi là một ẩn sĩ tịch tịnh", do duyên gì được nói đến như vậy?

Này Tỷ-kheo, "Tôi là", như vậy là vọng tưởng. "Tôi là cái này", như vậy là vọng tưởng. "Tôi sẽ là", như vậy là vọng tưởng. "Tôi sẽ không là", như vậy là vọng tưởng. "Tôi sẽ có sắc", như vậy là vọng tưởng. "Tôi sẽ không có sắc" như vậy là vọng tưởng.

"Tôi sẽ có tướng", như vậy là vọng tướng. "Tôi sẽ không có tướng", như vậy là vọng tướng. "Tôi sẽ không có tướng, không không có tướng", như vậy là vọng tướng. Vọng tướng, này Tỷ-kheo, là bệnh, vọng tướng là cục bấu, vọng tướng là mũi tên. Này Tỷ-kheo, khi vượt khỏi mọi vọng tướng, vị ẩn sĩ được gọi là tịch tịnh. Nhưng này Tỷ-kheo, vị ẩn sĩ tịch tịnh không sanh, không già, không có dao động, không có hy cầu. Vì không có cái gì do đó có thể sanh, này Tỷ-kheo, không sanh làm sao già được? Không già, làm sao chết được? Không chết làm sao dao động được? Không dao động, làm sao hy cầu?

Khi được nói đến "Khi được an trú, vọng tướng không có chuyển động; khi vọng tướng không chuyển động, vị ấy được gọi là một ẩn sĩ tịch tịnh do chính duyên này được nói đến như vậy". Này Tỷ-kheo, hãy thọ trì sự phân biệt tóm tắt của Ta về sau giới.

655. Thấy Pháp nên biết mình gặp được Phật

Do Đức Thế Tôn dùng thần thông thị hiện trong hình ảnh của một sa môn bình thường nên Pukkusāti không nhận ra Phật. Nhưng khi thành tựu chánh trí tuệ giác thì một thánh đệ tử không thể nào gặp Phật mà không biết Phật:



Kinh Văn

Rồi Tôn giả Pukkusāti nghĩ như sau: "Thật sự bậc Đạo sư đã đến với ta! Thật sự bậc Thiện Thế đã đến với ta! Thật sự bậc Chánh Đẳng Giác đã đến với ta!" Rồi Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, và bạch Thế Tôn:

-- Con đã rơi vào một lỗi lầm, bạch Thế Tôn, vì rằng, ngu đần, si mê và không khéo léo như con, đã nghĩ rằng con có thể xưng hô với Thế Tôn với danh từ Hiền giả. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận cho con lỗi lầm ấy là một lỗi lầm để con có thể ngăn ngừa trong tương lai.

-- Này Tỷ-kheo, thật vậy, Ông đã rơi vào một lỗi lầm, vì rằng ngu đần, si mê và không khéo léo vì Ông đã nghĩ rằng Ông có thể xưng hô với Ta với danh từ Hiền giả. Nhưng này Tỷ-kheo, nếu Ông thấy một lỗi lầm là một lỗi lầm, và như Pháp phát lộ, thời chúng ta chấp nhận (lỗi lầm) ấy cho Ông. Vì rằng này Tỷ-kheo, đây là sự tăng ích trong giới luật của bậc Thánh, khi nào một ai thấy lỗi lầm là một lỗi lầm, như pháp phát lộ, để ngăn ngừa trong tương lai.

-- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy cho con được thọ cụ túc giới trước mặt Thế Tôn.

-- Này Tỳ-kheo, Ông có đủ y bát không? -- Bạch Thế Tôn, con không có đủ y bát.

-- Này Tỳ-kheo, các Như Lai không có trao cụ túc giới cho ai không đủ y bát.

Rồi Tôn giả Pukkusāti sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi tìm y bát. Trong khi Tôn giả Pukkusāti đi tìm y bát, một con bò cuồng chạy, đoạt mất mạng sống (của Tôn giả).

Rồi một số đông Tỳ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các vị Tỳ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, Thiện gia nam tử Pukkusāti được Thế Tôn thuyết giảng một cách vắn tắt đã mệnh chung. Sanh thú của vị ấy như thế nào, đời sống tương lai như thế nào?

-- Này Tỳ-kheo, thật là bậc Hiền giả, Thiện gia nam tử Pukkusāti, đã chấp hành Chánh pháp và tùy pháp. Và không có phiền nhiễu Ta với những kiện tụng về Chánh pháp. Này các Tỳ-kheo, Thiện gia nam tử Pukkusāti, sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh và từ chỗ ấy nhập Niết-bàn, không phải trở lui đời ấy nữa.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỳ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

*Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu
Phân đoạn & chú thích: Tỳ Kheo Giác Đăng*

-ooOoo-

Kinh số 140 [tóm tắt]
Kinh Giới Phân Biệt
(Dhātuvibhaṅga Sutta)
(M.iii, 237)

Đức Thế Tôn một hôm du hành và ở lại qua đêm tại nhà một người thợ gốm. Tại đây Ngài gặp Tôn giả Pukkusāti, hỏi Tôn giả xuất gia y cứ vào bậc Đạo sư nào. Tôn giả đáp, y cứ vào Sa-môn Gotama, nhưng chưa hề gặp mặt. Thế Tôn nhân đây thuyết pháp cho Tôn giả về sáu giới, sáu xúc xứ, mười tám ý hành, bốn thắng xứ, tịch tịnh và khuyên chớ buông lung tâm ý, hộ trì chân đế, tăng trưởng huệ thí (xả ly sanh y), tu học tịch tịnh. Và Thế Tôn giảng rộng các pháp như sau:

1/ Sáu giới của người là: địa, thủy, hỏa, phong, không, thức giới.

2/ Sáu xúc xứ: Nhãn xúc xứ, nhĩ xúc xứ, ... cho đến ý xúc xứ.

3/ Mười tám ý hành (xem kinh 137).

4/ Bốn thắng xứ là tuệ thắng xứ, đế thắng xứ, huệ xả thắng xứ và tịch tịnh thắng xứ.

5/ Chớ buông lung trí tuệ, nghĩa là hiểu rõ các điều kể trên về sáu giới, hiểu rõ nội địa giới, ngoại giới, cả hai đều phải quán sát là “cái này không phải của tôi, không phải là tôi, không phải tự ngã của tôi”. Năm giới kia cũng vậy, có trong (thân) và ngoài (thân) và phải được quán sát như trên.

Khi thức còn lại được trong sạch, vị ấy biết được khổ, lạc, bất khổ bất lạc, khi duyên một trong ba xúc ấy, vị ấy biết rõ sinh, trú và diệt của khổ thọ, lạc thọ và bất khổ bất lạc thọ.

Khi xả còn lại được trong sạch, vị ấy tập trung xả ấy vào không vô biên xứ, thức vô biên... cho đến phi tưởng phi phi tưởng xứ, và biết tất cả loại xả này đều thuộc hữu vi. Do đó, không suy tưởng đến hữu, phi hữu và được sự không chấp thủ, nhờ không chấp thủ, vị ấy không sợ hãi, chứng Niết-bàn.

Khi cảm giác lạc thọ, vị ấy biết nó vô thường, nên không đắm trước. Đối với khổ thọ và bất khổ bất lạc thọ cũng vậy. Nhờ thế khi các cảm thọ khởi lên vị ấy không bị trói buộc trong các cảm thọ. Khi cảm giác một cảm thọ với thân là tối hậu, nó biết như vậy, nó biết sau khi thân hoại mạng chung, mọi cảm thọ hoan hỷ ở đây trở thành thanh lương. Vị Tỷ-kheo thành tựu như vậy, gọi là thành tựu tuệ thắng xứ, nghĩa là

trí biết đoạn tận mọi khổ đau. Sự giải thoát này an trú chân đế, không bị dao động. Cái gì không có thể đưa đến hư vọng, thuộc vào chân đế, Niết-bàn, nên gọi là đế thắng xứ.

Và những chấp y trước kia (đối với các uẩn phiền não, các hành và năm dục công đức) được đoạn tận gốc rễ không thể sanh trở lại, cho nên gọi là huệ thí thắng xứ.

Khi ấy tham ái, phần nộ, si mê, đều không thể sanh trở lại, cho nên gọi là tịch tịnh thắng xứ. Tới thắng tịch tịnh nghĩa là tịch tịnh tham, sân, si.

6/ Vọng tưởng là nghĩ đến “Tôi là”, “Tôi sẽ là”, “Tôi sẽ không là”, “Tôi sẽ có sắc, không sắc”... đều thuộc vọng tưởng, là cục bướng, là mũi tên. Khi vượt khỏi vọng tưởng, vị ẩn sĩ được gọi là tịch tịnh, không sanh, không già, không dao động, không hy cầu, vì không có cái gì có thể sanh. Không sanh nên không già, không già nên không chết, không chết nên không dao động, không dao động nên không hy cầu.

Thế Tôn thuyết xong, Tôn giả Pukkusāti nhận ra chính Ngài là bậc Chánh đẳng giác, đánh lễ sám hối vì lúc đầu lỡ gọi Ngài là bạn. Tôn giả xin thọ giới cụ túc giới, được Thế Tôn chấp nhận, nhưng khi ra đi để kiểm y bát, Tôn giả bị bò húc chết. Thế Tôn dạy các Tỷ-kheo, Tôn giả đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh tại chỗ ấy và nhập Niết-bàn, không còn trở lui đời này nữa.

Biên soạn: Hoà Thượng Thích Minh Châu

-ooOoo-

Kinh số 140[dàn ý]
Kinh Giới Phân Biệt
(Dhātuvibhaṅga Sutta)
(M.iii, 237)

A. Duyên khởi:

Thế Tôn ở tại nhà thợ gốm Bhaggava, gặp Pukkusāti đã ở tại đây. Vị này nhân danh Thế Tôn mà xuất gia, nhưng chưa biết Thế Tôn là ai. Thế Tôn thấy Pukkusāti có tâm thành nên quyết định thuyết pháp cho Pukkusāti.

B. Chánh kinh:

I. Thế Tôn tổng thuyết sáu giới phân biệt.

II. Thế Tôn biệt thuyết sáu giới phân biệt:

1. Thế nào là sáu giới.

2. Thế nào là 6 xúc xứ.

3. Thế nào là 18 ý hành.

4. Thế nào là 4 thắng xứ.

5. Thế nào là chớ có buông lung trí tuệ, hãy hộ trì chân đế, hãy tăng trưởng trí tuệ, hãy tu học tịch tịnh:

a. Thế nào là không buông lung trí tuệ.

b. Thế nào là hộ trì chân đế.

c. Thế nào là tăng trưởng trí tuệ.

d. Thế nào là tu học tịch tịnh.

6. Thế nào là được gọi một ẩn sĩ tịch tịnh.

III. Pukkusāti nghe thuyết pháp xong, biết ngay vị ấy là Bạc Đạo Sư, bèn xin sám hối vì đã gọi Thế Tôn là Hiền giả, rồi xin Thế Tôn được xuất gia với Thế Tôn.

IV. Trong khi đi tìm y bát, Pukkusāti bị con bò húc chết. Thế Tôn án chứng Pukkusāti đã chứng được quả Bất lai.

C. Kết luận:

Các Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Biên soạn: Hoà Thượng Thích Minh Châu

-ooOoo-

Kinh số 140 [toát yếu]
Kinh Giới Phân Biệt
(Dhātuvibhaṅga Sutta)
(M.iii, 237)

I. TOÁT YẾU

The Exposition of Elements.

Stopping at a potter's workshop for the night, the Buddha meets a monk named Pukkusati and gives him a profound discourse on the elements culminating in the four foundations of arahantship.

Trình bày về các yếu tố.

Khi dừng nghỉ đêm tại xưởng một người thợ gốm, Phật gặp một tỷ kheo tên Pukkusāti và giảng cho vị ấy một pháp thoại sâu sắc về các yếu tố đưa đến tột đỉnh là bốn nền tảng của A-la-hán quả.

II. TÓM TẮT

Phật cùng nghỉ đêm trong một xưởng làm đồ gốm với Pukkusāti. Sau khi biết đây là một thiện nam tử đã xuất gia do lòng tin đối với Ngài mặc dù chưa từng gặp Ngài, Phật giảng vắn tắt: Cái gọi là con người gồm có sáu giới, sáu xúc xú, 18 ý hành và bốn thắng xú. Sáu xúc xú là mắt tai mũi lưỡi thân ý; 18 ý hành gồm sắc thanh hương vị xúc pháp chỗ trú của ba cảm thọ hỷ ưu và xả (cộng thành 18). Bốn thắng xú gồm

tuệ, hãy hộ trì chân đế, hãy tăng trưởng huệ thí, hãy tu học tịch tịnh. Rồi Phật giảng chi tiết như sau.

Chớ buông lung trí tuệ có nghĩa là nên biết rõ sáu giới tức địa thủy hỏa phong không thức. Địa giới có trong thân và ngoài thân. Địa trong thân là tất cả những chất cứng bị chấp thủ, thuộc cá nhân như tóc lông móng răng da, thịt gân xương tủy thận. Chất cứng trong ngoài gì cũng thuộc về địa giới, cần phải thấy như thật với chánh trí là nó không phải của tôi, không phải là tôi, không phải tự ngã của tôi.

Sau khi biết vậy, sinh tâm chán lìa, từ bỏ địa giới. Đối với thủy (chất lỏng), hỏa (hơi nóng), phong (động), không (lỗ hổng) cũng đều quán như vậy. Với thức trong sáng, vị ấy biết được lạc, khổ và bất khổ bất lạc. Do lạc xúc, lạc thọ khởi lên; và thức liền nhận biết đang cảm giác một lạc thọ. Do lạc xúc diệt, lạc thọ cũng diệt, và thức cũng nhận biết như vậy. Với hai cảm thọ kia (khổ và bất khổ bất lạc) cũng thế.

Khi xả còn lại được trong sáng, thuần tịnh, vị tỷ kheo có thể tập trung xả ấy vào hư không vô biên, thức vô biên, vô sở hữu, phi tướng phi phi tướng... nhưng xả ấy sẽ thành hữu vi. Nếu không tác thành, không suy tưởng đến hữu hay phi hữu, không chấp thủ một sự vật gì ở đời, thì vị ấy sẽ không sợ hãi, tự chứng Niết-bàn, biết: Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa. Mỗi khi cảm giác lạc, khổ hay bất khổ bất lạc, vị ấy biết tất cả cảm thọ đều vô thường, không nên đắm trước, không phải đối tượng để hoan hỷ. Vị ấy biết rõ khi cảm giác một cảm thọ với thân là tối hậu hay với sinh mạng là tối hậu (nghĩa là chỉ trong lúc mạng căn còn tiếp tục, không xa hơn thế). Vị ấy biết, khi thân hoại mạng chung, tất cả những cảm thọ sẽ trở thành thanh lương (vì vị ấy không chấp thủ, hoan hỷ trong đó). Tỷ kheo có được trí như vậy gọi là có tuệ thắng xứ, nghĩa là trí biết sự đoạn tận mọi đau khổ. Sự giải thoát của vị ấy không bị giao động vì căn cứ trên chân đế, Niết-bàn. Vị tỷ kheo thành tựu như vậy là thành tựu để thắng xứ. Những chấp thủ của vị ấy trước kia bây giờ bị cắt đứt tận gốc rễ không còn sinh khởi trong tương lai, nên đây là huệ xả thắng xứ nơi vị ấy.

Tham ái, phần nộ và si mê trước kia nơi vị ấy bây giờ cũng hoàn toàn bị chặt đứt tận gốc rễ như thân cây ta la, không còn khả năng sinh khởi, nên vị ấy thành tựu tịch tịnh thắng xứ, nghĩa là sự chấm dứt tham sân si. Khi những ngọn triều vọng tưởng không còn lay động một người đã vững trú trên bốn thắng xứ, vị ấy được gọi là một ẩn sĩ tịch tịnh. Vị ấy không còn nghĩ về ta là thế này thế nọ hay sẽ là ngày nọ; không còn sanh, già chết, mong cầu gì.

Nghe xong bài pháp vi diệu ấy, Pukkusāti biết ngay đây là đức Phật, và xin sám hối vì không biết nên đã gọi Ngài là hiền giả (bạn). Ông xin được thọ đại giới, nhưng

khi vừa đi ra kiểm y bát thì bị bò húc chết. Khi các tỷ kheo hỏi về sanh thú của vị này, Phật dạy ông ấy đã đoạn trừ năm hạ phần kết sử, sẽ nhập Niết-bàn không còn trở lui đời này nữa.

III. CHÚ GIẢI

Phật dạy lý vô ngã bằng cách phân tích con người gồm có sáu đại: địa thủy hỏa phong không thức; sáu xúc xứ: mắt tai mũi lưỡi thân ý; 18 ý hành là hỷ ưu hoặc xả đối với sắc thanh hương vị xúc pháp (cộng thành 18). Trí tuệ là dùng thức quán sát năm giới hay đại vật chất không gì là ta, của ta hay tự ngã của ta. Thức còn lại trong sáng, thuần tịnh (vì không chấp vào vật chất) hướng đến các cảnh giới của tâm là không vô biên, thức vô biên, vô sở hữu và phi phi tướng cũng không chấp thủ, đạt Niết-bàn. Mỗi khi có một cảm thọ về thân hay tâm, vị ấy biết rõ nó vô thường, không đáng chấp thủ. Khi chết, vị ấy biết rõ đây là cảm thọ cuối cùng, sau đời này không còn đời nào khác (vì đã hết ham muốn bất cứ gì.) Một người có tuệ như vậy gọi là đã đạt đến chỗ tối cao gọi là thắng xứ, có bốn tên tùy theo bốn phương diện: thấy rõ gọi là tuệ thắng xứ, cái thấy ấy không hư vọng nên gọi là đế thắng xứ, nhờ thấy rõ mà những chấp thủ trước kia bị cắt đứt tận gốc nên gọi là huệ xả thắng xứ, hoàn toàn đoạn tuyệt với tham sân si gọi là tịch tịnh thắng xứ.

IV. PHÁP SỐ

(không có)

V. KỆ TỤNG

Phật đến nghỉ ban đêm
Trong xưởng người thợ gốm
Nơi đây đang trú ngụ
Ông Puk-ku-sa-ti
Một tu sĩ nhiệt thành
Xuất gia do lòng tin
Đối với đáng Đạo sư
Dù chưa từng diện kiến.

Phật giảng Pháp cho ông:
Con người gồm sáu giới,
Sáu xúc xứ (sáu căn)
Mỗi căn có ba thọ
Thành mười tám ý hành

Chớ buông lung trí tuệ,
Hãy hộ trì chân đế,
Hãy tăng trưởng huệ thí,
Và tu học tịch tịnh
Đây là bốn thắng xứ.
Rồi Phật giảng chi tiết:
Không buông lung trí tuệ
Là biết rõ sáu giới
Địa thủy hỏa phong không
VớI thức là thứ sáu.

Địa giới có trong ngoài
Trong thân là chất cứng
Bị chấp, thuộc cá nhân:
Tóc lông móng răng da,
Thịt gân xương tủy thận...
Chất cứng trong hay ngoài
Cũng đều thuộc địa giới.
Cần phải thấy như thật

VớI trí tuệ chân chính
Đây không phải là tôi
Cũng không phải của tôi.
Hay tự ngã của tôi.
Khi biết được như vậy
Sẽ sinh tâm chán lìa,
Từ bỏ ngay địa giới.
VớI thủy hỏa phong không
Cũng đều quán như vậy.
Còn lại thức trong sáng,
Biết cảm thọ lạc, khổ
Và bất khổ bất lạc.

Do xúc, lạc thọ khởi
Và thức liền nhận biết
Đang cảm giác lạc thọ.

Xúc diệt, lạc thọ diệt,
Như vậy thức rõ biết.
VớI hai cảm thọ kia

Thức biết chúng sinh, diệt
Cũng tương tự như trên.

Với tâm xả thuận tịnh,
Nó có thể tập trung
Vào hư không vô biên
Hoặc thức vô biên xứ,
Hoặc vô sở hữu xứ,
Phi tướng phi phi tướng:
Tâm ấy thành hữu vi.
Nhưng nếu không tư duy
Không tướng hữu, phi hữu,
Không chấp thủ vật gì,
Thì sẽ không sợ hãi,
Tự chứng được Niết-bàn
Tự biết: Sanh đã tận,
Phạm hạnh đã viên thành,

Mỗi khi cảm giác lạc,
Khổ, bất khổ bất lạc,
Biết cảm thọ vô thường,
Không nên đắm trước nó,
Không hoan hỷ trong đó.
Vị ấy luôn biết rõ
Khi khởi một cảm thọ
Với thân là tối hậu
Hay mạng là tối hậu
Vị ấy biết khi chết
Tất cả thọ thanh lương
Vì không còn chấp thủ.
Đây là tuệ thắng xứ,
Nghĩa là trí biết được
Mọi đau khổ đã dứt.

Sự giải thoát vị ấy
Không còn bị giao động
Không thuộc về hư vọng
Nên gọi để thắng xứ.

Những chấp thủ vị ấy
Đã dứt tận gốc rễ
Không sinh khởi tương lai
Gọi huệ xả thắng xứ.

Tham sân si đoạn tận
Thành tịch tịnh thắng xứ.
Những ngọn triều vọng tưởng
Không còn làm giao động
Người trú bốn thắng xứ,
Nên vị ấy được gọi
Là ẩn sĩ tịch tịnh.

Vị ấy không còn nghĩ
Ta thế này thế nọ
Hay sẽ là này nọ
Không còn mong cầu gì
Tương lai hết già chết.

Nghe xong pháp vi diệu
Biết ngay đây là Phật
Thanh niên xin sám hối
Đã gọi bụt bằng anh;
Và xin thọ đại giới,
Nhưng khi vừa đi ra
Để tìm kiếm y bát
Ông bị bò húc chết.

Phật dạy các tử kheo:
Ông ấy đã đoạn trừ
Năm hạ phần kết sử
Hóa sanh nhập Niết-bàn
Một đi không trở lại.

*Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu
Tóm tắt & chú giải: Thích Nữ Trí Hải*

-ooOoo-

140. Dhātuvibhaṅgasuttaṃ [Mūla]

342. Evaṃ me suttaṃ : ekaṃ samayaṃ **Bhagavā** magadhesu cārikaṃ caramāno yena rājagahaṃ tadavasari yena bhaggavo kumbhakāro tenupasaṅkami upasaṅkamtivā bhaggavaṃ kumbhakāraṃ etadavoca : "sace te, bhaggava, agaru viharemu āvesane [viharāmāvesane (sī. pī.), viharāma nivesane (syā. kaṃ.), viharemu nivesane (ka.)] ekarattanti. "Na kho me, bhante, garu. Atthi cettha pabbajito paṭhamaṃ vāsūpagato. Sace so anujānāti, viharatha [vihara (sī. pī.)], bhante, yathāsukhanti. Tena kho pana samayena pukkusāti nāma kulaputto bhagavantam uddissa saddhāya agārasmā anagāriyaṃ pabbajito. So tasmim kumbhakārāvesane [kumbhakāranivesane (syā. kaṃ. ka.)] paṭhamaṃ vāsūpagato hoti. Atha kho **Bhagavā** yenāyasmā pukkusāti tenupasaṅkami upasaṅkamtivā āyasmantaṃ pukkusātiṃ etadavoca : "sace te, bhikkhu, agaru viharemu āvesane ekarattanti. "Urundaṃ, āvuso [ūrundaṃ (sī. syā. kaṃ. pī.), uruddhaṃ (ka.) Dīgha Nikāye 2 sakkapañhasuttaṭṭikā oloketabbā], kumbhakārāvesanaṃ. Viharatāyasmā yathāsukhanti. Atha kho **Bhagavā** kumbhakārāvesanaṃ pavisitvā ekamantaṃ tiṇasanthārikaṃ [tiṇasantharikaṃ (sī.), tiṇasantharikaṃ (syā. kaṃ.)] paññāpetvā nisīdi pallaṅkaṃ ābhujitvā ujum kāyaṃ pañidhāya parimukhaṃ satim upaṭṭhapetvā. Atha kho **Bhagavā** bahudeva rattim nisajjāya vītināmesi. Āyasmāpi kho pukkusāti bahudeva rattim nisajjāya vītināmesi. Atha kho bhagavato etadahosi : "pāsādikaṃ kho ayaṃ kulaputto iriyati. Yaṃnūnāhaṃ puccheyyanti. Atha kho **Bhagavā** āyasmantaṃ pukkusātiṃ etadavoca : "kaṃsi tvaṃ, bhikkhu, uddissa pabbajito? ko vā te satthā? kassa vā tvaṃ dhammaṃ rocesīti? "atthāvuso, samaṇo gotamo sakyaputto sakyakulā pabbajito. Taṃ kho pana bhagavantam gotamaṃ evaṃ kalyāṇo kittisaddo abbhuggato : 'itipi so **Bhagavā** arahaṃ sammāsambuddho vijjācaraṇasampanno sugato lokavidū anuttaro purisadammasārathi satthā devamanussānaṃ buddho **Bhagavā**ti . Tāhaṃ bhagavantam uddissa pabbajito. So ca me **Bhagavā** satthā. Tassa cāhaṃ bhagavato dhammaṃ rocemīti. "Kahaṃ pana, bhikkhu, etarahi so **Bhagavā** viharati arahaṃ sammāsambuddhoti. "Atthāvuso, uttaresu janapadesu sāvatti nāma nagaraṃ. Tattha so **Bhagavā** etarahi viharati arahaṃ sammāsambuddhoti. "Diṭṭhapubbo pana te, bhikkhu, so **Bhagavā** disvā ca pana jāneyyāsīti? "na kho me, āvuso, diṭṭhapubbo so **Bhagavā** disvā cāhaṃ na jāneyyanti. Atha kho bhagavato etadahosi : "mamañca khvāyaṃ [maṃ tvāyaṃ (sī.), mamaṃ khvāyaṃ (syā. kaṃ.), maṃ khvāyaṃ (pī.)] kulaputto uddissa pabbajito. Yaṃnūnassāhaṃ dhammaṃ deseyyanti. Atha kho **Bhagavā** āyasmantaṃ pukkusātiṃ āmantesi : "dhammaṃ te, bhikkhu, desessāmi. Taṃ suṇāhi, sādhukaṃ manasi karohi bhāsissāmīti. "Evamāvusoti kho āyasmā pukkusāti bhagavato paccassosi. Bhagavā etadavoca :

343. "'Chadhāturo [chaddhāturo (sī.)] ayam, bhikkhu, puriso chaphassāyatano aṭṭhārasamanopavicāro caturādhiṭṭhāno yattha ṭhitam maññassavā nappavattanti, maññassave kho pana nappavattamāne muni santoti vuccati. Paññaṃ nappamajjeyya, saccamanurakkheyya, cāgamanubrūheyya, santimeva so sikkheyyāti : ayamuddeso dhātuvibhaṅgassa [chadhātuvibhaṅgassa (sī. syā. kaṃ. pī.)].

344. "'Chadhāturo ayam, bhikkhu, purisoti : iti kho panetaṃ vuttaṃ. Kiñcetaṃ paṭicca vuttaṃ? (chayimā, bhikkhu, dhātuyo) [() natthi sī. pī. potthakesu] : pathavīdhātu, āpodhātu, tejodhātu, vāyodhātu, ākāsadhātu, viññāṇadhātu. 'Chadhāturo ayam, bhikkhu, purisoti : iti yaṃ taṃ vuttaṃ, idametaṃ paṭicca vuttaṃ.

345. "'Chaphassāyatano ayam, bhikkhu, purisoti : iti kho panetaṃ vuttaṃ. Kiñcetaṃ paṭicca vuttaṃ? cakkhusamphassāyatanaṃ, sotasamphassāyatanaṃ, ghānasamphassāyatanaṃ, jivhāsamphassāyatanaṃ, kāyasamphassāyatanaṃ, manosamphassāyatanaṃ. 'Chaphassāyatano ayam, bhikkhu, purisoti : iti yaṃ taṃ vuttaṃ, idametaṃ paṭicca vuttaṃ.

346. "'Aṭṭhārasamanopavicāro ayam, bhikkhu, purisoti : iti kho panetaṃ vuttaṃ. Kiñcetaṃ paṭicca vuttaṃ? cakkhunā rūpaṃ disvā somanassaṭṭhānīyaṃ rūpaṃ upavicarati, domanassaṭṭhānīyaṃ rūpaṃ upavicarati, upekkhāṭṭhānīyaṃ rūpaṃ upavicarati sotena saddaṃ sutvā - pe - ghānena gandhaṃ ghāyitvā... jivhāya rasaṃ sāyitvā... kāyena phoṭṭhabbaṃ phusitvā... manasā dhammaṃ viññāya somanassaṭṭhānīyaṃ dhammaṃ upavicarati, domanassaṭṭhānīyaṃ dhammaṃ upavicarati, upekkhāṭṭhānīyaṃ dhammaṃ upavicarati : iti cha somanassupavicārā, cha domanassupavicārā, cha upekkhupavicārā. 'Aṭṭhārasamanopavicāro ayam, bhikkhu, purisoti : iti yaṃ taṃ vuttaṃ, idametaṃ paṭicca vuttaṃ.

347. "'Caturādhiṭṭhāno ayam, bhikkhu, purisoti : iti kho panetaṃ vuttaṃ. Kiñcetaṃ paṭicca vuttaṃ? paññādhiṭṭhāno, saccādhiṭṭhāno, cāgādhiṭṭhāno, upasamādhiṭṭhāno. 'Caturādhiṭṭhāno ayam, bhikkhu, purisoti : iti yaṃ taṃ vuttaṃ idametaṃ paṭicca vuttaṃ.

348. "'Paññaṃ nappamajjeyya, saccamanurakkheyya, cāgamanubrūheyya, santimeva so sikkheyyāti : iti kho panetaṃ vuttaṃ. Kiñcetaṃ paṭicca vuttaṃ? kathaṅca, bhikkhu, paññaṃ nappamajjati? chayimā, bhikkhu, dhātuyo : pathavīdhātu, āpodhātu, tejodhātu, vāyodhātu, ākāsadhātu, viññāṇadhātu.

349. "'Katamā ca, bhikkhu, pathavīdhātu? pathavīdhātu siyā ajjhātikā siyā bāhirā. Katamā ca, bhikkhu, ajjhātikā pathavīdhātu? yaṃ ajjhātaṃ paccattaṃ

kakkhaḷaṃ kharigataṃ upādinnaṃ [upādiṇṇaṃ (pī. ka.)], seyyathidaṃ : kesā lomā nakhā dantā taco maṃsaṃ nhāru aṭṭhi aṭṭhimiñjaṃ [aṭṭhimiñjā (sī. pī.)] vakkam hadayaṃ yakanam kilomakam pihakam papphāsam antaṃ antaṅgaṃ udariyaṃ karīsaṃ, yaṃ vā panaññaṃpi kiñci ajjhataṃ paccattaṃ kakkhaḷaṃ kharigataṃ upādinnaṃ : ayaṃ vuccati, bhikkhu, ajjhataṃ pathavīdhātu. Yā ceva kho pana ajjhataṃ pathavīdhātu yā ca bāhirā pathavīdhātu pathavīdhātūvesā . 'Taṃ netam mama nesohamasmi na meso attāti : evametam yathābhūtaṃ sammappaññāya daṭṭhabbaṃ. Evametam yathābhūtaṃ sammappaññāya disvā pathavīdhātuyā nibbindati, pathavīdhātuyā cittaṃ virājeti.

350. "Katamā ca, bhikkhu, āpodhātu? āpodhātu siyā ajjhataṃ siyā bāhirā. Katamā ca, bhikkhu, ajjhataṃ āpodhātu? yaṃ ajjhataṃ paccattaṃ āpo āpogataṃ upādinnaṃ seyyathidaṃ : pittaṃ semhaṃ pubbo lohitaṃ sedo medo assu vasā kheḷo siṅghāṇikā lasikā muttaṃ, yaṃ vā panaññaṃpi kiñci ajjhataṃ paccattaṃ āpo āpogataṃ upādinnaṃ : ayaṃ vuccati, bhikkhu, ajjhataṃ āpodhātu. Yā ceva kho pana ajjhataṃ āpodhātu yā ca bāhirā āpodhātu āpodhātūvesā. 'Taṃ netam mama, nesohamasmi, na meso attāti : evametam yathābhūtaṃ sammappaññāya daṭṭhabbaṃ. Evametam yathābhūtaṃ sammappaññāya disvā āpodhātuyā nibbindati, āpodhātuyā cittaṃ virājeti.

351. "Katamā ca, bhikkhu, tejodhātu? tejodhātu siyā ajjhataṃ siyā bāhirā. Katamā ca, bhikkhu, ajjhataṃ tejodhātu? yaṃ ajjhataṃ paccattaṃ tejo tejogataṃ upādinnaṃ, seyyathidaṃ : yena ca santappati, yena ca jīriyati, yena ca pariḍayhati, yena ca asitaṃpītakhāyitasāyitaṃ sammā pariṇāmaṃ gacchati, yaṃ vā panaññaṃpi kiñci ajjhataṃ paccattaṃ tejo tejogataṃ upādinnaṃ : ayaṃ vuccati, bhikkhu, ajjhataṃ tejodhātu. Yā ceva kho pana ajjhataṃ tejodhātu yā ca bāhirā tejodhātu tejodhātūvesā. 'Taṃ netam mama, nesohamasmi, na meso attāti : evametam yathābhūtaṃ sammappaññāya daṭṭhabbaṃ. Evametam yathābhūtaṃ sammappaññāya disvā tejodhātuyā nibbindati, tejodhātuyā cittaṃ virājeti.

352. "Katamā ca, bhikkhu, vāyodhātu? vāyodhātu siyā ajjhataṃ siyā bāhirā. Katamā ca, bhikkhu, ajjhataṃ vāyodhātu? yaṃ ajjhataṃ paccattaṃ vāyo vāyogataṃ upādinnaṃ, seyyathidaṃ : uddhaṅgamā vātā adhogaṃ vātā kucchisayā vātā koṭṭhāsayaṃ [koṭṭhasayaṃ (sī. syā. kaṃ. pī.)] vātā aṅgamaṅgānusārino vātā assāso passāso iti, yaṃ vā panaññaṃpi kiñci ajjhataṃ paccattaṃ vāyo vāyogataṃ upādinnaṃ : ayaṃ vuccati, bhikkhu, ajjhataṃ vāyodhātu. Yā ceva kho pana ajjhataṃ vāyodhātu yā ca bāhirā vāyodhātu vāyodhātūvesā. 'Taṃ netam mama , nesohamasmi , na meso attāti : evametam yathābhūtaṃ sammappaññāya daṭṭhabbaṃ. Evametam yathābhūtaṃ sammappaññāya disvā vāyodhātuyā nibbindati, vāyodhātuyā cittaṃ virājeti.

353. "Katamā ca, bhikkhu, ākāsadhātu? ākāsadhātu siyā ajjhakkā siyā bāhirā. Katamā ca, bhikkhu, ajjhakkā ākāsadhātu ? yaṃ ajjhattaṃ paccattaṃ ākāsaṃ ākāsagataṃ upādinnaṃ, seyyathidaṃ : kaṇṇacchiddaṃ nāsacchiddaṃ mukhadvāraṃ yena ca asitapītakhāyitasāyitaṃ ajjhoharati, yattha ca asitapītakhāyitasāyitaṃ santiṭṭhati, yena ca asitapītakhāyitasāyitaṃ adbhogaṃ [adbhogaṃ (sī. syā. kaṃ. pī.) devadūtasuttaṃ sameti] nikkhamati, yaṃ vā panaññaṃ kiñci ajjhattaṃ paccattaṃ ākāsaṃ ākāsagataṃ aghaṃ aghagataṃ vivaraṃ vivaragataṃ asaṃphutthaṃ maṃsalohitehi upādinnaṃ : ayaṃ vuccati bhikkhu ajjhakkā ākāsadhātu. Yā ceva kho pana ajjhakkā ākāsadhātu yā ca bāhirā ākāsadhātu ākāsadhātūvesā. 'Taṃ nettaṃ mama, nesohamasmi, na meso attāti : evameva yathābhūtaṃ sammappaññaṃ daṭṭhabbaṃ. Evameva yathābhūtaṃ sammappaññaṃ disvā ākāsadhātuyā nibbindati, ākāsadhātuyā cittaṃ virājeti.

354. "Athāparaṃ viññāṇaṃ yeva avasissati parisuddhaṃ pariyodātaṃ. Tena ca viññāṇena kiṃ [tena viññāṇena kiñca (sī.)] vijānāti? 'sukhantipi vijānāti, 'dukkhantipi vijānāti, 'adukkhamaṃ sukhantipi vijānāti. Sukhavedaniyaṃ, bhikkhu, phassaṃ paṭicca uppajjati sukhaṃ vedanā. So sukhaṃ vedanaṃ vedayamāno 'sukhaṃ vedanaṃ vedayamīti pajānāti. 'Tasseva sukhavedaniyassa phassassa nirodhā yaṃ tajjaṃ vedayitaṃ sukhavedaniyaṃ phassaṃ paṭicca uppānā sukhaṃ vedanā sā nirujjhati, sā vūpasammatīti pajānāti.

355. "Dukkhavedaniyaṃ, bhikkhu, phassaṃ paṭicca uppajjati dukkhaṃ vedanā. So dukkhaṃ vedanaṃ vedayamāno 'dukkhaṃ vedanaṃ vedayamīti pajānāti. 'Tasseva dukkhavedaniyassa phassassa nirodhā yaṃ tajjaṃ vedayitaṃ dukkhavedaniyaṃ phassaṃ paṭicca uppānā dukkhaṃ vedanā sā nirujjhati, sā vūpasammatīti pajānāti.

356. "Adukkhamaṃ sukhavedaniyaṃ, bhikkhu, phassaṃ paṭicca uppajjati adukkhamaṃ sukhaṃ vedanā. So adukkhamaṃ sukhaṃ vedanaṃ vedayamāno 'adukkhamaṃ sukhaṃ vedanaṃ vedayamīti pajānāti. 'Tasseva adukkhamaṃ sukhavedaniyassa phassassa nirodhā yaṃ tajjaṃ vedayitaṃ adukkhamaṃ sukhavedaniyaṃ phassaṃ paṭicca uppānā adukkhamaṃ sukhaṃ vedanā sā nirujjhati, sā vūpasammatīti pajānāti.

357. "Seyyathāpi, bhikkhu, dvinnaṃ kaṭṭhānaṃ saṅghaṭṭā [samphassa (sī. pī.), saṅghaṭṭā (syā. kaṃ.)] samodhānā usmā jāyati, tejo abhinibbattati, tesameva dvinnaṃ kaṭṭhānaṃ nānābhāvā vikkhepā yā tajjā usmā sā nirujjhati, sā vūpasammati evameva kho, bhikkhu, sukhavedaniyaṃ phassaṃ paṭicca uppajjati sukhaṃ vedanā. So sukhaṃ vedanaṃ vedayamāno 'sukhaṃ vedanaṃ vedayamīti pajānāti. 'Tasseva

sukhavedaniyassa phassassa nirodhā yaṃ tajjaṃ vedayitaṃ sukhavedaniyaṃ phassaṃ paṭicca uppannā sukhā vedanā sā nirujjhati, sā vūpasammatīti pajānāti.

358. "Dukkhavedaniyaṃ, bhikkhu, phassaṃ paṭicca uppajjati dukkhā vedanā. So dukkhaṃ vedanaṃ vedayamāno 'dukkhaṃ vedanaṃ vedayāmīti pajānāti. 'Tasseva dukkhavedaniyassa phassassa nirodhā yaṃ tajjaṃ vedayitaṃ dukkhavedaniyaṃ phassaṃ paṭicca uppannā dukkhā vedanā sā nirujjhati, sā vūpasammatīti pajānāti.

359. "Adukkhamasukhavedaniyaṃ , bhikkhu, phassaṃ paṭicca uppajjati adukkhamasukhā vedanā. So adukkhamasukhaṃ vedanaṃ vedayamāno 'adukkhamasukhaṃ vedanaṃ vedayāmīti pajānāti. 'Tasseva adukkhamasukhavedaniyassa phassassa nirodhā yaṃ tajjaṃ vedayitaṃ adukkhamasukhavedaniyaṃ phassaṃ paṭicca uppannā adukkhamasukhā vedanā sā nirujjhati, sā vūpasammatīti pajānāti.

360. "Athāparaṃ upekkhāyeva avasissati parisuddhā pariyodātā mudu ca kammaññā ca pabhassarā ca. Seyyathāpi, bhikkhu, dakkho suvaṇṇakāro vā suvaṇṇakārantevāsī vā ukkaṃ bandheyya, ukkaṃ bandhitvā ukkāmuḥkaṃ ālimpeyya, ukkāmuḥkaṃ ālimpetvā saṇḍāsena jātarūpaṃ gahetvā ukkāmuḥke pakkhipeyya, tamenam kālena kālaṃ abhidhameyya, kālena kālaṃ udakena paripphoseyya, kālena kālaṃ ajjupekkheyya, taṃ hoti jātarūpaṃ [jātarūpaṃ dhantaṃ (sī. pī.)] sudhantaṃ niddhantaṃ nīhaṭaṃ [nihaṭaṃ (syā. ka. ka.)] ninnītakasāvaṃ [nihaṭakasāvaṃ (ka.)] mudu ca kammaññāṇca pabhassaraṇca, yassā yassā ca piḷandhanavikatiyā ākaṅkhati : yadi paṭṭikāya [pavaṭṭikāya (sī. syā.)] yadi kuṇḍalāya yadi gīveyyakāya yadi suvaṇṇamālāya tañcassa atthaṃ anubhoti evameva kho, bhikkhu, athāparaṃ upekkhāyeva avasissati parisuddhā pariyodātā mudu ca kammaññā ca pabhassarā ca.

361. "So evaṃ pajānāti : 'imañce ahaṃ upekkhaṃ evaṃ parisuddhaṃ evaṃ pariyodātaṃ ākāsañcāyatanam upasaṃhareyyaṃ, tadanudhammañca cittaṃ bhāveyyaṃ. Evaṃ me ayaṃ upekkhā taṃnissitā tadupādānā ciraṃ dīghamaddhānaṃ tiṭṭheyya. Imañce ahaṃ upekkhaṃ evaṃ parisuddhaṃ evaṃ pariyodātaṃ viññāṇañcāyatanam upasaṃhareyyaṃ, tadanudhammañca cittaṃ bhāveyyaṃ. Evaṃ me ayaṃ upekkhā taṃnissitā tadupādānā ciraṃ dīghamaddhānaṃ tiṭṭheyya. Imañce ahaṃ upekkhaṃ evaṃ parisuddhaṃ evaṃ pariyodātaṃ ākiñcaññāyatanam upasaṃhareyyaṃ, tadanudhammañca cittaṃ bhāveyyaṃ. Evaṃ me ayaṃ upekkhā taṃnissitā tadupādānā ciraṃ dīghamaddhānaṃ tiṭṭheyya. Imañce ahaṃ upekkhaṃ evaṃ parisuddhaṃ evaṃ pariyodātaṃ nevasaññānāsaññāyatanam upasaṃhareyyaṃ, tadanudhammañca

cittam bhāveyyam. Evaṃ me ayam upekkhā taṃnissitā tadupādānā ciram dīghamaddhānam tiṭṭheyyāti.

362. "So evaṃ pajānāti : 'imañce ahaṃ upekkham evaṃ parisuddham evaṃ pariyodātam ākāsānañcāyatanam upasaṃhareyyam, tadanudhammañca cittam bhāveyyam saṅkhatametam. Imañce ahaṃ upekkham evaṃ parisuddham evaṃ pariyodātam viññāṇañcāyatanam upasaṃhareyyam, tadanudhammañca cittam bhāveyyam saṅkhatametam. Imañce ahaṃ upekkham evaṃ parisuddham evaṃ pariyodātam ākiñcaññāyatanam upasaṃhareyyam, tadanudhammañca cittam bhāveyyam saṅkhatametam. Imañce ahaṃ upekkham evaṃ parisuddham evaṃ pariyodātam nevasaññānāsaññāyatanam upasaṃhareyyam, tadanudhammañca cittam bhāveyyam saṅkhatametanti." So neva taṃ abhisāṅkharoti, na abhisāñcetayati bhavāya vā vibhavāya vā. So anabhisāṅkharonto anabhisāñcetayanto bhavāya vā vibhavāya vā na kiñci loke upādiyati, anupādiyam na paritassati, aparitassam paccattaṃyeva parinibbāyati. 'Khīṇā jāti, vusitaṃ brahmacariyam, kataṃ karaṇīyam, nāparam itthattāyāti pajānāti.

363. "So sukhañce vedanam vedeti, 'sā aniccāti pajānāti, 'anajjhositāti pajānāti, 'anabhinanditāti pajānāti. Dukkhañce vedanam vedeti, 'sā aniccāti pajānāti, 'anajjhositāti pajānāti, 'anabhinanditāti pajānāti. **Adukkhamasukhañce vedanam vedeti, 'sā aniccāti pajānāti, 'anajjhositāti pajānāti, 'anabhinanditāti pajānāti.**

364. "So sukhañce vedanam vedeti, viṣaṃyutto naṃ vedeti dukkhañce vedanam vedeti, viṣaṃyutto naṃ vedeti adukkhamasukhañce vedanam vedeti, viṣaṃyutto naṃ vedeti. So kāyapariyantikam vedanam vedayamāno 'kāyapariyantikam vedanam vedayāmīti pajānāti, jīvitapariyantikam vedanam vedayamāno 'jīvitapariyantikam vedanam vedayāmīti pajānāti, 'kāyassa bhedaṃ paramaṃ maraṇā uddham jīvitapariyādānā idheva sabbavedayitāni anabhinanditāni sītībhavissantīti pajānāti.

365. "Seyyathāpi, bhikkhu, telañca paṭicca vaṭṭiñca paṭicca telappadīpo jhāyati tasseva telassa ca vaṭṭiyā ca pariyādānā aññassa ca anupahārā [anupāhārā (sī. pī.), anupādānā (ka.)] anāhāro nibbāyati evameva kho, bhikkhu, kāyapariyantikam vedanam vedayamāno 'kāyapariyantikam vedanam vedayāmīti pajānāti, jīvitapariyantikam vedanam vedayamāno 'jīvitapariyantikam vedanam vedayāmīti pajānāti, 'kāyassa bhedaṃ paramaṃ maraṇā uddham jīvitapariyādānā idheva sabbavedayitāni anabhinanditāni sītībhavissantīti pajānāti. Tasmā evaṃ samannāgato bhikkhu iminā paramena paññādhiṭṭhānena samannāgato hoti. Esā hi, bhikkhu, paramā ariyā paññā yadidaṃ : sabbadukkakkhaye ñāṇam.

366. "Tassa sā vimutti sacce t̥hitā akuppā hoti. Tañhi, bhikkhu, musā yaṃ mosadhammaṃ, taṃ saccam yaṃ amosadhammaṃ nibbānaṃ. Tasmā evaṃ samannāgato bhikkhu iminā paramena saccādhiṭṭhānena samannāgato hoti. Etañhi, bhikkhu, paramaṃ ariyasaccaṃ yadidaṃ : amosadhammaṃ nibbānaṃ.

367. "Tasseva kho pana pubbe aviddasuno upadhī honti samattā samādinnā. Tyāssa pahīnā honti ucchinnamūlā tālāvattukatā anabhāvaṃkatā āyatim anuppādadhammā. Tasmā evaṃ samannāgato bhikkhu iminā paramena cāgādhiṭṭhānena samannāgato hoti. Eso hi, bhikkhu, paramo ariyo cāgo yadidaṃ : sabbūpadhipaṭinissaggo.

368. "Tasseva kho pana pubbe aviddasuno abhijjhā hoti chando sārāgo. Svāssa pahīno hoti ucchinnamūlo tālāvattukato anabhāvaṃkato āyatim anuppādadhammo. Tasseva kho pana pubbe aviddasuno āghāto hoti byāpādo sampadoso. Svāssa pahīno hoti ucchinnamūlo tālāvattukato anabhāvaṃkato āyatim anuppādadhammo. Tasseva kho pana pubbe aviddasuno avijjā hoti sammoho. Svāssa pahīno hoti ucchinnamūlo tālāvattukato anabhāvaṃkato āyatim anuppādadhammo. Tasmā evaṃ samannāgato bhikkhu iminā paramena upasamādhiṭṭhānena samannāgato hoti. Eso hi, bhikkhu, paramo ariyo upasamo yadidaṃ : rāgadosamohānaṃ upasamo. 'Paññaṃ nappamajjeyya, saccamanurakkheyya, cāgamanubrūheyya, santimeva so sikkheyyaṭi : iti yaṃ taṃ vuttaṃ, idametam paṭicca vuttaṃ.

369. "'Yattha t̥hitam maññassavā nappavattanti, maññassave kho pana nappavattamāne muni santoti vuccatīti : iti kho panetaṃ vuttaṃ. Kiñcetaṃ paṭicca vuttaṃ? 'asmīti, bhikkhu, maññitametaṃ, 'ayamahasmīti maññitametaṃ, 'bhavissanti maññitametaṃ, 'na bhavissanti maññitametaṃ, 'rūpī bhavissanti maññitametaṃ, 'arūpī bhavissanti maññitametaṃ, 'saññī bhavissanti maññitametaṃ, 'asaññī bhavissanti maññitametaṃ, 'nevasaññīnāsaññī bhavissanti maññitametaṃ. Maññitam, bhikkhu, rogo maññitam gaṇḍo maññitam sallam. Sabbamaññitānaṃ tveva, bhikkhu, samatikkamā muni santoti vuccati. Muni kho pana, bhikkhu, santo na jāyati, na jīyati, na mīyati, na kuppati, na piheti. Tañhissa, bhikkhu, natthi yena jāyetha, ajāyamāno kiṃ jīyissati, ajīyamāno kiṃ mīyissati, amīyamāno kiṃ kuppissati, akuppamāno kissa [kiṃ (ka.)] pihessati? 'yattha t̥hitam maññassavā nappavattanti, maññassave kho pana nappavattamāne muni santoti vuccatīti : iti yaṃ taṃ vuttaṃ, idametam paṭicca vuttaṃ. Imam kho me tvam, bhikkhu, saṃkhittena chadhātuvibhaṅgaṃ dhārehīti.

370. Atha kho āyasmā pukkusāti : "sattā kira me anuppatto, sugato kira me anuppatto sammāsambuddho kira me anuppattoti utthāyāsanaṃ ekamsam cīvaram

katvā bhagavato pādesu sirasā nipatitvā bhagavantam etadavoca : "accayo maṃ, bhante, accagamā yathābālam yathāmūlham yathāakusalam, yohaṃ bhagavantam āvusovādena samudācaritabbam amaññissam. Tassa me, bhante, **Bhagavā** accayam accayato paṭiggaṇhātu āyatim saṃvarāyāti. "Taggha tvam, bhikkhu, accayo accagamā yathābālam yathāmūlham yathāakusalam , yaṃ maṃ tvam āvusovādena samudācaritabbam amaññittha. Yato ca kho tvam, bhikkhu, accayam accayato disvā yathādhammam paṭikarosi, taṃ te mayam paṭiggaṇhāma. Vuddhihesā, bhikkhu, ariyassa vinaye yo accayam accayato disvā yathādhammam paṭikaroti, āyatim saṃvaram āpajjatīti. "Labheyyāham, bhante, bhagavato santike upasampadanti. "Paripuṇṇam pana te, bhikkhu, pattacīvaranti? "na kho me, bhante, paripuṇṇam pattacīvaranti. "Na kho, bhikkhu, tathāgatā aparipuṇṇapattacīvaram upasampādentīti. Atha kho āyasmā pukkusāti bhagavato bhāsitam abhinanditvā anumoditvā utthāyāsana bhagavantam abhivādetvā padakkhiṇam katvā pattacīvarapariyesanam pakkāmi. Atha kho āyasmantam pukkusātim pattacīvarapariyesanam carantam vibbhantā gāvī [bhantagāvī (sī. pī.), gāvī (syā. kaṃ.)] jīvitā voropesi. Atha kho sambahulā bhikkhū yena **Bhagavā** tenupasaṅkamimsu upasaṅkamtvā bhagavantam abhivādetvā ekamantam nisīdimsu. Ekamantam nisinnā kho te bhikkhū bhagavantam etadavocum : "yo so, bhante, pukkusāti nāma kulaputto bhagavatā saṃkhittena ovādena ovadito so kālaṅkato. Tassa kā gati, ko abhisamparāyoti? "paṇḍito, bhikkhave, pukkusāti kulaputto paccapādi dhammassānudhammam, na ca maṃ dhammādhikaraṇam vihesesi [viheṭhesi (sī. syā. kaṃ.) viheseti (ka.)]. Pukkusāti, bhikkhave, kulaputto pañcannam orambhāgiyānam saṃyojanānam parikkhayā opapātiko tattha parinibbāyī anāvattidhammo tasmā lokāti. Idamavoca **Bhagavā**. Attamanā te bhikkhū bhagavato bhāsitam abhinanduntī.

Dhātuvibhaṅgasuttam niṭṭhitam dasamaṃ.

140. Dhātuvibhaṅgasuttavaṇṇanā [Atthakathā]

342. **Evam me sutanti** dhātuvibhaṅgasuttam. Tattha **cārikanti** turitagamanacārikam. **Sace te bhaggava agarūti** sace tuyham bhāriyam aphāsukam kiñci natthi. **Sace so anujānātīti** bhaggavassa kira etadahosi – “pabbajitā nāma nānāajjhāsayā, eko gaṇābhirato hoti, eko ekābhirato. Sace so ekābhirato bhavissati, ‘āvuso, mā pāvisi, mayā sālā laddhā’ti vakkhati. Sace ayam ekābhirato bhavissati, ‘āvuso, nikkhama, mayā sālā laddhā’ti vakkhati. Evam sante aham ubhinnam vivādakāretā nāma bhavissāmi, dinnam nāma dinnameva vaṭṭati, katam katamevā’ti. Tasmā evamāha.

Kulaputtoti jātikulaputtopi ācārakulaputtopi. **Vāsūpagatoti** vāsam upagato. Kuto āgantvāti? Takkasīlanagarato.

Tatrāyam anupubbikathā – majjhimappadese kira rājagahanagare bimbisāre rajjam kārente paccante takkasīlanagare pukkusāti rājā rajjam kāresi. Atha takkasīlato bhaṇḍam gahetvā vāṇijā rājagaham āgatā paṇṇākāram gahetvā rājānam addasaṃsu. Rājā te vanditvā ṭhite “kattavāsino tumhe”ti pucchi. Takkasīlavāsino devāti. Atha ne rājā janapadassa khemasubhikkhatādīni nagarassa ca pavattim pucchitvā “ko nāma tumhākam rājā”ti pucchi. Pukkusāti nāma devāti. Dhammikoti? Āma deva dhammiko. Catūhi saṅgahavattūhi janam saṅgaṇhāti, lokassa mātāpitiṭṭhāne ṭhito, aṅge nipannadārakam viya janam tosetīti. Katarasmim vaye vattatīti? Athassa vayam ācikkhimsu. Vayesupi bimbisārena samavayo jāto. Atha te rājā āha – “tātā tumhākam rājā dhammiko, vayena ca me samāno, sakkuṇeyyātha tumhākam rājānam mama mittam kātu”nti. Sakkoma devāti. Rājā tesam suṅkam vissajjetvā gehaṅca dāpetvā – “gacchatha bhaṇḍam vikkiṇitvā gamanakāle mam disvā gaccheyyāthā”ti āha. Te tathā katvā gamanakāle rājānam addasaṃsu. “Gacchatha tumhākam rājānam mama vacanena punappunam ārogyam pucchitvā ‘rājā tumhehi saddhim mittabhāvam icchatī’ti vadathā”ti āha.

Te sādhiṭi paṭissuṇitvā gantvā bhaṇḍam paṭisāmetvā bhuttapātarāsā rājānam upasaṅkamtivā vandimsu. Rājā “kham bhaṇe tumhe ettake ime divase na dissathā”ti pucchi. Te sabbam pavattim ārocesum. Rājā – “sādhu, tātā, tumhe nissāya mayā majjhimappadese rājā mitto laddho”ti attamano ahosi. Aparabhāge rājagahavāsīnopi vāṇijā takkasīlam agamaṃsu. Te paṇṇākāram gahetvā āgate pukkusāti rājā “kuto āgatathā”ti pucchitvā “rājagahato”ti sutvā “mayham sahāyassa nagarato āgatā tumhe”ti. Āma devāti. Ārogyam me sahāyassāti ārogyam pucchitvā “ajja paṭṭhāya ye mayham sahāyassa nagarato jaṅghasatthena vā sakatasatthena vā vāṇijā āgacchanti, sabbesam mama visayam pavitṭhakālatō

paṭṭhāya vasanagehāni, rājakoṭṭhāgārato nivāpañca dentu, suṅkaṃ vissajjentu, kiñci upaddavaṃ mā karontū”ti bheriṃ carāpesi. Bimbisāropi attano nagare tatheva bheriṃ carāpesi.

Atha bimbisāro pukkusātissa paṇṇaṃ paḥiṇi – “paccantadese nāma maṇimuttādīni ratanāni uppajjanti, yaṃ mayhaṃ sahāyassa rajje dassanīyaṃ vā savanīyaṃ vā ratanaṃ uppajjati, tattha me mā maccharāyatū”ti. Pukkusāti – “majjhimadeso nāma mahājanapado, yaṃ tattha evarūpaṃ ratanaṃ uppajjati, tattha me sahāyo mā maccharāyatū”ti paṭipannaṃ paḥiṇi. Evaṃ te gacchante gacchante kāle aññaṃaññaṃ adisvāpi daḥhamittā ahesuṃ.

Evaṃ tesu katikaṃ katvā vasantānaṃ paṭhamataraṃ pukkusātissa paṇṇākāro uppajji. Rājā kira aṭṭha pañcavaṇṇe anagghakambale labhi. So – “atisundarā ime kambalā, ahaṃ sahāyassa pesissāmi”ti lākhāgulaṃmatte aṭṭha sārakaṇḍake likhāpetvā tesu te kambale pakkhipitvā lākhāya vaṭṭāpetvā setavattena veṭhetvā samugge pakkhipitvā vatthena veṭhetvā rājamuddikāya lañchetvā “mayhaṃ sahāyassa dethā”ti amacce pesesi. Sāsanañca adāsi – “ayaṃ paṇṇākāro nagaramajjhe amaccādi parivutena daṭṭhabbo”ti. Te gantvā bimbisārassa adamsu.

So sāsanaṃ sutvā amaccādayo sannipatantūti bheriṃ carāpetvā nagaramajjhe amaccādi parivuto setacchattena dhāriyamānena pallaṅkavare nisinno lañchanaṃ bhinditvā vatthaṃ apanetvā samuggaṃ vivaritvā anto bhaṇḍikaṃ muñcitvā lākhāgule disvā “mayhaṃ sahāyo pukkusāti ‘jutavittako me sahāyo’ti maññaṃ māno maññaṃ imam paṇṇākāraṃ paḥiṇi”ti ekaṃ gulaṃ gahetvā hatthena vaṭṭetvā tulayantova anto dussabhaṇḍikaṃ atthīti aññaṃ. Atha naṃ pallaṅkapāde paharitvā tāvadeva lākhā paripati, so nakkena kaṇḍakaṃ vivaritvā anto kambalaratanaṃ disvā itarepi vivarāpesi, sabbepi kambalā ahesuṃ. Atha ne paṭṭharāpesi, te vaṇṇasampannā phassasampannā dīghato soḷasahatthā tiriyaṃ aṭṭhahatthā ahesuṃ. Mahājano disvā aṅguliyo poṭhesi, celukkhepaṃ akāsi, – “amhākaṃ rañño aditṭhasahāyo pukkusāti adisvāva evarūpaṃ paṇṇākāraṃ pesesi, yuttaṃ evarūpaṃ mittam kātu”nti attamano ahoṣi. Rājā ekamekaṃ kambalaṃ agghāpesi, sabbe anagghā ahesuṃ. Tesu cattāro sammāsambuddhassa pesesi, cattāro attano ghare akāsi. Tato cintesi – “pacchā pesentena paṭhamam pesitapaṇṇākārato atirekaṃ pesetuṃ vaṭṭati, sahāyena ca me anaggho paṇṇākāro pesito, kiṃ nu kho pesemī”ti?

Kiṃ pana rājagahe tato adhikaṃ ratanaṃ natthīti? No natthi, mahāpuñño rājā, apica kho panassa sotāpannakālato paṭṭhāya ṭhapetvā tīṇi ratanāni aññaṃ ratanaṃ somanassaṃ janetuṃ samatthaṃ nāma natthi. So ratanaṃ vicinituṃ āradho – ratanaṃ nāma saviññāṇakaṃ aviññāṇakanti duvidhaṃ. Tattha aviññāṇakaṃ suvaṇṇarajatādi, saviññāṇakaṃ indriyabaddhaṃ. Aviññāṇakaṃ saviññāṇakasessa

alaṅkāraḍivasena paribhogam hoti, iti imesu dvīsu ratanesu saviññāṅakam seṭṭham. Saviññāṅakampi duvidham tiracchānaratanam manussaratananti. Tattha tiracchānaratanam hatthiassaratanam, tampi manussānam upabhogatthameva nibbattati, iti imesupi dvīsu manussaratanam seṭṭham. Manussaratanampi duvidham itthiratanam purisaratananti. Tattha cakkavattino rañño uppannam itthiratanampi purisasseva upabhogam. Iti imesupi dvīsu purisaratanameva seṭṭham.

Purisaratanampi duvidham agāriyaratanam anagāriyaratanañca. Tattha agāriyaratanesupi cakkavattirājā ajja pabbajitasāmaṇeram pañcapatiṭṭhitena vandati, iti imesupi dvīsu anagāriyaratanameva seṭṭham. Anagāriyaratanampi duvidham sekkharatanañca asekkharatanañca. Tattha satahassampi sekkhānam asekkhassa padesam na pāpuṇāti, iti imesupi dvīsu asekkharatanameva seṭṭham. Tampi duvidham buddharatanam sāvakaratananti. Tattha satahassampi sāvakaratanānam buddharatanassa padesam na pāpuṇāti, iti imesupi dvīsū buddharatanameva seṭṭham.

Buddharatanampi duvidham paccekabuddharatanam sabbaññubuddharatananti. Tattha satahassampi paccekabuddhānam sabbaññubuddhassa padesam na pāpuṇāti, iti imesupi dvīsu sabbaññubuddharatanameva seṭṭham. Sadevakasmiñhi loke buddharatanasamam ratanam nāma natthi. Tasmā asadisameva ratanam mayham sahāyassa pesessāmīti cintevā takkasīlavāsino pucchi – “tātā tumhākam janapade buddho dhammo saṅghoti imāni tīṇi ratanāni dissantī”ti. Ghosopi so mahārāja tāva tattha natthi, dassanam pana kutoti.

“Sundaram tātā”ti rājā tuṭṭho cintesi – “sakkā bhaveyya janasaṅghatthāya mayham sahāyassa vasanaṭṭhānam sammāsambuddham pesetum, buddhā pana paccantimesu janapadesu na aruṇam uṭṭhapenti. Tasmā sathārā gantum na sakkā. Sāriputtamoggallānādayo mahāsāvake pesetum sakkā bhaveyya. Mayā pana ‘therā paccante vasantī’ti sutvāpi manusse pesetvā te attano samīpam āṇepetvā upaṭṭhātumeva yuttam. Tasmā na therehipi sakkā gantum. Yena panākārena sāsane pesite sathā ca mahāsāvakā ca gatā viya honti, tenākārena sāsanam pahīṇissāmī”ti. Cintevā caturatanāyānam vidatthimattaputhulam nātitanum nātibahalam suvaṇṇapattam kārapetvā “tattha ajja akkharāni likhissāmī”ti. Pātova sīsam nhāyitvā uposathaṅgāni adhiṭṭhāya bhuttapātarāso apanītagandhamālābharaṇo suvaṇṇasarakena jātihiṅgulikam ādāya hetṭhato paṭṭhāya dvārāni pidahanto pāsādamāruyha pubbadisāmukham sīhapañjaram vivaritvā ākāsatale nisīditvā suvaṇṇapatte akkharāni likhanto – “idha tathāgato loke uppanno araham sammāsambuddho vijjācaraṇasampanno sugato lokavidū anuttaro purisadammasārathi sathā devamanussānam buddho bhagavā”ti. Buddhaguṇe tāva ekadesena likhi.

Tato “evaṃ dasa pāramiyo pūretvā tusitabhavanato cavitvā mātukucchimhi paṭisandhiṃ gaṇhi, evaṃ lokavivaraṇaṃ ahosi, mātukucchiyaṃ vasamāne idaṃ nāma ahosi, agāramajjhe vasamāne idaṃ nāma ahosi, evaṃ mahābhinikkhamaṇaṃ nikkhanto evaṃ mahāpadhānaṃ padahi. Evaṃ dukkarakārikaṃ katvā mahābodhimaṇḍaṃ āruyha aparājitaṃ padahaṅke nisinna sabbaññutaññānaṃ paṭivijjhi, sabbaññutaññānaṃ paṭivijjhantassa evaṃ lokavivaraṇaṃ ahosi. Sadevake loke aññaṃ evarūpaṃ ratanaṃ nāma natthīti.

Yaṃkiñci vittaṃ idha vā huraṃ vā,
Saggesu vā yaṃ ratanaṃ paṇītaṃ;
Na no samaṃ atthi tathāgatena,
Idampi buddhe ratanaṃ paṇītaṃ;
Etena saccena suvatthi hotū’’ti. (khu. pā. 6.3; su. ni. 226) –

Evaṃ ekadesena buddhaguṇepi likhitvā dutiyaṃ **dhammaratanaṃ** thomento – “svākkhāto bhagavatā dhammo...pe... paccattaṃ veditabbo viññūhi’’ti. “Cattāro satipaṭṭhānā...pe... ariyo aṭṭhaṅgiko maggo’’ti. “Satthārā desitadhammo nāma evarūpo ca evarūpo cā’’ti sattatiṃsa bodhipakkhiye ekadesena likhitvā –

“Yaṃ buddhaseṭṭho parivaṇṇayī sucim,
Samādhimānantarikaññaṃāhu;
Samādhinā tena samo na vijjati,
Idampi dhamme ratanaṃ paṇītaṃ;
Etena saccena suvatthi hotū’’ti. (khu. pā. 6.5; su. ni. 228) –

Evaṃ ekadesena dhammaguṇe likhitvā tatiyaṃ **saṅgharatanaṃ** thomento – “suppaṭipanno bhagavato sāvakaṃsaṅgho...pe... puññaṃkhettaṃ lokassa’’ti. “Kulaputtā nāma satthu dhammakathaṃ sutvā evaṃ nikkhamitvā pabbajanti, keci setacchattaṃ pahāya pabbajanti, keci uparajjaṃ, keci senāpatiṭṭhānādīni pahāya pabbajanti. Pabbajitvā ca pana imaṅca paṭipattiṃ pūrentī’’ti cūlasīlamajjhimasīlamahāsīlādīni ekadesena likhitvā chadvārasaṃvaram satisaṃpajjaññaṃ catupaccayasantaṃ navavidhaṃ senāsanaṃ, nīvaraṇappahānaṃ parikkamaṃ jhānābhīññaṃ aṭṭhatatiṃsa kammaṭṭhānāni yāva āsavakkhayā ekadesena likhi, soḷasavidhaṃ ānāpānassatikammaṭṭhānaṃ vitthāreṇeva likhitvā “satthu sāvakaṃsaṅgho nāma evarūpehi ca guṇehi samannāgato.

Ye puggalā aṭṭhasattaṃ pasatṭhā,
Cattāri etāni yugāni honti;
Te dakkhiṇeyyā sugatassa sāvakā,
Etesu dinnāni mahapphalāni;
Idampi saṅghe ratanaṃ paṇītaṃ,

Etena saccena suvatthi hotū”ti. (khu. pā. 6.6; su. ni. 229) –

Evam ekadesena saṅghaṅṅe likhitvā – “bhagavato sāsanaṃ svākkhātaṃ niyyānikaṃ, sace mayhaṃ sahāyo sakkoti, nikkhamitvā pabbajatū”ti likhitvā suvaṇṇapattāṃ saṃharitvā sukhumakambalena veṭhetvā sārasamugge pakkhipitvā taṃ samuggaṃ suvaṇṇamaye, suvaṇṇamayam, rajatamaye rajatamayam maṇimaye, maṇimayam pavālamaye, pavālamayam lohitaṅkamaye, lohitaṅkamayam masāragallamaye, masāragallamayam phalikamaye, phalikamayam dantamaye, dantamayam sabbaratanamaye, sabbaratanamayam kilaṅjamaye, kilaṅjamayam samuggaṃ sārakaraṇḍake ṭhapesi.

Puna sārakaraṇḍakam suvaṇṇakaraṇḍaketi purimanayeneva haritvā sabbaratanamayam karaṇḍakam kilaṅjamaye karaṇḍake ṭhapesi. Tato kilaṅjamayam karaṇḍakam sāramayapeḷāyāti puna vuttanayeneva haritvā sabbaratanamayam peḷam kilaṅjamayapeḷāya ṭhapetvā bahi vatthena veṭhetvā rājamuddikāya lañchetvā amacce āṇāpesi – “mama āṇāpavattiṭṭhāne maggaṃ alaṅkārapetha maggo aṭṭhusabhavitthato hotu, catuusabhaṭṭhānaṃ sodhitamattakameva hotu, majjhe catuusabham rājānubhāvena paṭiyādetvā”ti. Tato maṅgalahatthiṃ alaṅkārapetvā tassa upari pallaṅkam pañṇāpetvā setacchattaṃ ussāpetvā nagaravīthiyo sittasammatṭhā samussitaddhajapaṭākā kadalipunṇaghaṭṭagandhadhūmapupphādīhi suppaṭimaṇḍitā kāretvā “attano attano visayappadesa evarūpaṃ pūjāṃ kārentū”ti antarabhogikānaṃ javanadūte pesetvā sayam sabbālaṅkārena alaṅkaritvā – “sabbatāḷāvacarasammissabalakāyaparivuto paṇṇākāraṃ pesemī”ti attano visayapariyantaṃ gantvā amaccassa mukhasāsanaṃ adāsi – “tāta mayhaṃ sahāyo pukkusāti imaṃ paṇṇākāraṃ paṭicchanta orodhamajjhe apaṭicchitvā pāsādam āruyha paṭicchatū”ti. Evam sāsanaṃ datvā paccantadesaṃ satthā gacchatīti pañcapaṭiṭṭhitena vanditvā nivatti. Antarabhogikā teneva niyāmena maggaṃ paṭiyādetvā paṇṇākāraṃ nayiṃsu.

Pukkusāti pi attano rajjasīmato paṭṭhāya teneva niyāmena maggaṃ paṭiyādetvā nagaraṃ alaṅkārapetvā paṇṇākārassa paccuggamaṃ akāsi. Paṇṇākāro takkasīlam pāpuṇanto uposathadivase pāpuṇi, paṇṇākāraṃ gahetvā gataamaccopi rañño vuttasāsanaṃ ārocesi. Rājā taṃ sutvā paṇṇākārena saddhiṃ āgatānaṃ kattabbakiccaṃ vicāretvā paṇṇākāraṃ ādāya pāsādam āruyha “mā idha koci pavisatū”ti dvāre ārakkham kāretvā sīhapañjaraṃ vivaritvā paṇṇākāraṃ uccāsane ṭhapetvā sayam nīcāsane nisinna lañchanam bhinditvā nivāsanaṃ apanetvā kilaṅjapeḷato paṭṭhāya anupubbena vivaranta sāramayam samuggaṃ disvā cintesi – “mahāparihāro nāyam aññassa ratanassa bhavissati, addhā majjhimadesa sotabbayuttakam ratanaṃ uppanna”nti. Atha taṃ samuggaṃ vivaritvā

rājalañchanam bhinditvā sukhumakambalam ubhato viyūhitvā suvaṇṇapaṭṭam addasa.

So taṃ pasāretvā – “manāpāni vata akkharāni samasīsāni samapantīni caturassāni”tiādito paṭṭhāya vācetum ārabhi. Tassa – “idha tathāgato loka uppanno”ti buddhagūṇe vācentassa balavasomanassam uppajji, navanavutilomakūpasahassāni uddhaggaḷomāni ahesum. Attano ṭhitabhāvaṃ vā nisinnabhāvaṃ vā na jānāti. Athassa – “kappakoṭisatasahashepi etaṃ dullabhasāsanam sahāyaṃ nissāya sotum labhāmī”ti bhiiyo balavapīti udapādi. So hi upari vācetum asakkonto yāva pītivegapassaddhiyā nisīditvā parato – “svākkhāto bhagavatā dhammo”ti dhammagūṇe ārabhi. Tatrāpissa tatheva ahosi. So puna yāva pītivegapassaddhiyā nisīditvā parato “suppaṭipanno”ti saṅhagūṇe ārabhi. Tatrāpissa tatheva ahosi. Atha sabbapariyante ānāpānassatikammaṭṭhānam vācetvā catukkapañcakajjhānāni nibbattesi, so jhānasukheneva vītināmesi. Añño koci daṭṭhum na labhati, ekova cūḷupaṭṭhāko pavisati. Evaṃ addhamāsamattam vītināmesi.

Nāgarā rājaṅgaṇe sannipatitvā ukkuṭṭhiṃ akamsu “paṇṇākāram paṭicchitadivasato paṭṭhāya baladassanam vā nāṭakadassanam vā natthi, vinicchayaḍānam natthi, rājā sahāyena pahitaṃ paṇṇākāram yassicchati tassa dassetu, rājāno nāma ekaccassa paṇṇākāravasenapi vañcetaṃ rajjam attano kātum vāyamanti. Kiṃ nāma amhākaṃ rājā karotī”ti? Rājā ukkuṭṭhisaddaṃ sutvā – “rajjam nu kho dhāremi, udāhu satthāra”nti cintesi. Athassa etadahosi – “rajjakārītaattabhāvo nāma neva gaṇakena, na gaṇakamahāmattena gaṇetum sakko. Satthusāsanam dhāressāmī”ti sayane ṭhapitaṃ asiṃ gahetvā kese chinditvā sīhapañjaram vivaritvā – “etaṃ gahetvā rajjam kārethā”ti saddhiṃ cūḷamaṇinā kesakalāpaṃ parisamajjhe pātesi, mahājano taṃ ukkhipitvā – “sahāyakasantikā laddhapaṇṇākārā nāma rājāno tumhādisā honti devā”ti ekappahāreneva viravi. Raññopi dvaṅgulamattam kesamassu ahosi. Bodhisattassa pabbajjāsadisameva kira jātam.

Tato cūḷupaṭṭhākaṃ pesetvā antarāpaṇā dve kāsāyavatthāni mattikāpattañca āharāpetvā – “ye loka arahanto, te uddissa mayham pabbajjā”ti satthāram uddissa ekaṃ kāsāvaṃ nivāsetvā ekaṃ pārutipvā pattaṃ vāmaṃsakūṭe katvā kattaraḍḍaṃ gahetvā – “sobhati nu kho me pabbajjā no vā”ti mahātale katipayavāre aparāparaṃ caṅkamtivā – “sobhati me pabbajjā”ti dvāram vivaritvā pāsādā otari. Otarantaṃ pana naṃ tīsu dvāresu ṭhitanāṭakādīni disvāpi na sañjāniṃsu. “Eko paccekabuddho amhākaṃ rañño dhammakathaṃ kathetum āgato”ti kira cintayiṃsu. Uparipāsādaṃ pana āruya rañño ṭhitanisinnatṭhānāni disvā rājā gatoti ñatvā samuddamajjhe osīdamānāya nāvāya jano viya

ekappahāreneva viraviṃsu. Kulaputtam bhūmitalam otiṇṇamattam aṭṭhārasaseniyo sabbe nāgarā balakāyā ca parivāretvā mahāviraṃ viraviṃsu. Amaccāpi tam etadavocum – “deva majjhimadesarājāno nāma bahumāyā, sāsanaṃ pesetvā buddharatanaṃ nāma loke uppannaṃ vā no vāti ñatvā gamissatha, nivattatha devā”ti. Saddahāmaṃ mayhaṃ sahāyakassa, tassa mayā saddhim dvejjavacanaṃ nāma natthi, tiṭṭhatha tumheti. Te anugacchantiyeva.

Kulaputto kattaradaṇḍena lekhaṃ katvā – “idaṃ rajjaṃ kassā”ti āha? Tumhākaṃ devāti. Yo imaṃ lekhaṃ antaraṃ karoti, rājānāya kāretabboti. Mahājanakajātake bodhisattena katalekhaṃ sivalidevī antaraṃ kātuṃ avisahantī vivattamānā agamāsi. Tassā gatamaggena mahājano agamāsi. Tam pana lekhaṃ mahājano antaraṃ kātuṃ na visahi, lekhaṃ ussāsakaṃ katvā vivattamānā viraviṃsu. Kulaputto “ayaṃ me gatattṭhāne dantakaṭṭhaṃ vā mukhodakaṃ vā dassatī”ti antamaso ekaceṭakampi aggahetvā pakkāmi. Evaṃ kirassa ahosi “mama satthā ca mahābhinnikkhamaṃ nikkhamitvā ekakova pabbajito”ti ekakova agamāsi. “Satthu lajjāmī”ti ca – “satthā kira me pabbajitvā yānaṃ nāruḷho”ti ca antamaso ekapaṭalikampi upāhanaṃ nāruhi, paṇṇacchattakampi na dhāresi. Mahājano rukkhapākārattālakādīni āruya esa amhākaṃ rājā gacchatīti olokesi. Kulaputto – “dūraṃ gantabbaṃ, na sakkā ekena maggo nittharitu”nti ekaṃ satthavāhaṃ anubandhi. Sukhumālassa kulaputtassa kaṭṭhinatattāya pathaviyā gachantassa pādātalesu phoṭā utṭhahitvā bhijjanti, dukkhā vedanā uppajjanti. Satthavāhe khandhāvāraṃ bandhitvā nisinne kulaputto maggā okkamma ekasmiṃ rukkhamūle nisīdati. Nisinnattṭhāne pādaparikkammaṃ vā piṭṭhiparikkammaṃ vā kattā nāma natthi, kulaputto ānāpānecatutthajjhānaṃ samāpajjitvā maggadārathakilamathapariḷāhaṃ vikkhambhetvā jhānaratiyā vītināmeti.

Punadivase utṭhite aruṇe sarīrapaṭijagganaṃ katvā puna satthavāhaṃ anubandhati. Pātarāsakāle kulaputtassa pattaṃ gahetvā khādanīyaṃ bhojanīyaṃ patte pakkhipitvā denti. Tam uttaṇḍulampi hoti kilinnampi samasakkharampi aloṇātiloṇampi, kulaputto pavisanattṭhānaṃ paccavekkhitvā amataṃ viya paribhuñjitvā etena niyāmena aṭṭhahi ūnakāni dve yojanasatāni gato. Jetavanadvārakoṭṭhakassa pana samīpena gacchantopi – “kahaṃ satthā vasatī”ti nāpucchi. Kasmā? Satthugāravena ceva rañño pesitasāsanavasena ca. Rañño hi – “idha tathāgato loke uppajjatī”ti satthāraṃ rājagahe uppannaṃ viya katvā sāsanaṃ pesitaṃ, tasmā naṃ apucchitvā pañcacattālīsayojanamattaṃ maggaṃ atikkanto. So sūriyatthaṅgamanavelāya rājagahaṃ patvā satthā kahaṃ vasatīti pucchi. Kuto nu, bhante, āgatoti? Ito uttaratoti. Satthā tuyhaṃ āgatamagge ito pañcacattālīsayojanamatte sāvatti nāma atthi, tattha vasatīti. Kulaputto cintesi – “idāni akālo na sakkā gantuṃ, ajja idheva vasitvā sve satthu santikaṃ gamissāmī”ti. Tato – “vikāle sampattapabbajitā kahaṃ vasantī”ti pucchi. Imāya

kumbhakārasālāya, bhanteti. Atha so taṃ kumbhakāraṃ yācivā tattha vāsathāya pavisitvā nisīdi.

Bhagavāpi taṃdivasaṃ paccūsakāle lokaṃ volokento pukkusātiṃ disvā cintesi – “ayaṃ kulaputto sahāyena pesitaṃ sāsanaṃattakam vācetaṃ atirekatiyojanasatikam mahārajjam pahāya maṃ uddissa pabbajitvā atthahi ūnakāni dve yojanasatāni atikkamma rājagahaṃ pāpuṇissati, mayi agacchante pana tīṇi sāmāññaphalāni appaṭivijjhitaṃ ekarattivāseṇa anāthakālakiriyaṃ karissati, mayi pana gate tīṇi sāmāññaphalāni paṭivijjhissati. Janasaṅgahathāyeva pana mayā satahassakappādhikāni cattāri asaṅkhyeyyāni pāramiyo pūritā, karissāmi tassa saṅgaha”nti pātova sarīrapaṭijagganaṃ katvā bhikkhusaṅghaparivuto sāvathiyam piṇḍāya caritvā pacchābhataṃ piṇḍapātappaṭikkanto gandhakuṭiṃ pavisitvā muhuttaṃ attadarathakilamathaṃ paṭipassambhetvā – “kulaputto mayi gāravena dukkaraṃ akāsi, atirekayojanasataṃ rajjaṃ pahāya antamaso mukhadhovanadāyakampi cetakaṃ aggahetvā ekakova nikkhanto”ti sārīputtamahāmoggallānādīsu kañci anāmantetvā sayameva attano pattaṭivaram gahetvā ekakova nikkhanto. Gacchanto ca neva ākāse uppati, na pathaviṃ saṃkhipi, – “kulaputto mama lajjamāno hatthiassarathasuvaṇṇasivikādīsu ekayānēpi anisīditvā antamaso ekapaṭalikaṃ upāhanampi anāruyha paṇṇacchattakampi aggahetvā nikkhanto, mayāpi padasāva gantuṃ vaṭṭatī”ti pana cintetvā padasāva agamāsi.

So asīti anubyañjanāni byāmapabbhā bāttiṃsa mahāpurisalakkhaṇānīti imaṃ buddhasiriṃ paṭicchādetvā valāhakaṭṭhacchanno puṇṇacando viya aññatarabhikkhavesena gacchanto ekapacchābhatteneva pañcacattālīsa yojanāni atikkamma sūriyatthaṅgamalīvelāya kulaputte paviṭṭhamatteyeva taṃ kumbhakārasālaṃ pāpuṇi. Taṃ sandhāya vuttaṃ – “tena kho pana samayena, pukkusāti, nāma kulaputto bhagavantaṃ uddissa saddhāya agārasmā anagāriyaṃ pabbajito, so tasmīṃ kumbhakārāvesane paṭhamaṃ vāsūpagato hotī”ti.

Evam gantvāpi pana bhagavā – “ahaṃ sammāsambuddho”ti pasayha kumbhakārasālaṃ apavisitvā dvāre ṭhitova kulaputtaṃ okāsaṃ kārento **sace te bhikkhūtiādimaṃha. Urundanti vivittaṃ asambādhaṃ. Viharatāyasmā yathāsukhanti** yena yena iriyāpathena phāsu hoti, tena tena yathāsukhaṃ āyasmā viharatūti okāsaṃ akāsi. Atirekatiyojanasatañhi rajjaṃ pahāya pabbajito kulaputto parassa chaḍḍitapatitaṃ kumbhakārasālaṃ kiṃ aññassa sabrahmacārino maccharāyissati. Ekacce pana moghapurisā sāsane pabbajitvā āvāsamacchariyādīhi abhibhūtā attano vasanaṭṭhāne mayhaṃ kuṭi mayhaṃ pariveṇanti aññesaṃ avāsāya parakkamanti. **Nisīdīti** accantasukhumālo lokanātho devavimānasadisam gandhakuṭiṃ pahāya tattha tattha vippakiṇṇachārikāya

bhinnabhājanatiṇapalāsakukkuṭasūkaravaccādisaṃkiliṭṭhāya saṅkāraṭṭhānasadisāya kumbhakārasālāya tiṇasanthāraṃ santharivā paṃsukūlacīvaraṃ pañṇapetvā devavimānasadisāṃ dibbagandhasugandhaṃ gandhakuṭiṃ pavisitvā nisīdanto viya nisīdi.

Iti bhagavāpi asambhinna mahāsammata vaṃse uppanno, kulaputtopi khattiyagabbhe vaḍḍhito. Bhagavāpi abhinīhārasampanno, kulaputtopi abhinīhārasampanno. Bhagavāpi rajjaṃ pahāya pabbajito, kulaputtopi. Bhagavāpi suvaṇṇavaṇṇo, kulaputtopi. Bhagavāpi samāpattilābhī, kulaputtopi. Iti dvepi khattiyā dvepi abhinīhārasampannā dvepi rājapabbajitā dvepi suvaṇṇavaṇṇā dvepi samāpattilābhino kumbhakārasālaṃ pavisitvā nisinnāti tehi kumbhakārasālā ativiya sobhati, dvīhi sīhādīhi pavitṭhaguhādīhi āharivā dīpetabbaṃ. Tesu pana dvīsu bhagavā – “sukhumālo ahaṃ paramasukhumālo ekapacchābhattena pañcattālīsa yojanāni āgato, muhuttaṃ tāva sīhaseyyaṃ kappetvā maggadarathaṃ paṭipassambhemī”ti cittampi anuppādetvā nisīdantova phalasaṃpattim samāpajji. Kulaputtopi – “dvānavutiyojanasataṃ āgatomhi, muhuttaṃ tāva nipajjitvā maggadarathaṃ vinodemī”ti cittaṃ anuppādetvā nisīdamānova ānāpānacatutthajjhānaṃ samāpajji. Idaṃ sandhāya **atha kho bhagavā bahudeva rattintiādi vuttaṃ.**

Nanu ca bhagavā kulaputtassa dhammaṃ desessāmīti āgato, kasmā na desesīti? Kulaputtassa maggadaratho appaṭipassaddho, na sakkhissati dhamma desanaṃ sampaṭicchitaṃ, so tāvassa paṭipassambhatūti na desesi. Apare – “rājagahaṃ nāma ākiṇṇamanussaṃ avivittaṃ dasahi saddehi, so saddo diyaḍḍhayāmamattena sannisīdati, taṃ āgamento na desesī”ti vadanti. Taṃ akāraṇaṃ, brahmalokappamaṇāmpī hi saddaṃ bhagavā attano ānubhāvena vūpasametum sakkoti, maggadarathavūpasamaṃ āgamentoyeva pana na desesi.

Tattha **bahudeva rattinti** diyaḍḍhayāmamattaṃ. **Etadahosīti** bhagavā phalasaṃpattito vuṭṭhāya suvaṇṇavimāne maṇisīhapañjaraṃ vivaranto viya pañcavasādappaṭimaṇḍitāni akkhīni ummīletvā olokesi, athassa hatthakukkucapādakukkuccasīsakampanavirahitaṃ sunikhātaṇḍakhīlaṃ viya niccalaṃ avibbhantaṃ suvaṇṇapaṭimaṃ viya nisinnaṃ kulaputtaṃ disvā etaṃ – “pāsādikā kho”tiādi ahosi. Tattha **pāsādikanti** pasādāvahaṃ. Bhāvanapumsakaṃ panetaṃ, pāsādikena iriyāpathena iriyati. Yathā iriyato iriyāpatho pāsādiko hoti, evaṃ iriyatīti ayamettha attho. Catūsu hi iriyāpathesu tayo iriyāpathā na sobhanti. Gacchantassa hi bhikkhuno hatthā calanti, pādā calanti, sīsaṃ calati, ṭhitassa kāyo thaddho hoti, nipannassāpi iriyāpatho amanāpo hoti, pacchābhatte pana divāṭṭhānaṃ sammajjitvā cammakhaṇḍaṃ pañṇapetvā sudhotahatthapādassa catusandhikapallaṅkaṃ ābhujitvā nipannasseva iriyāpatho sobhati. Ayaṅca

kulaputto pallaṅkaṃ ābhujitvā ānāpānecatutthajjhānaṃ appētvā nisīdi. Itissa iriyāpatheneva pasanno bhagavā – “pāsādikaṃ kho”ti parivittakkesi.

Yaṃnūnāhaṃ puccheyyanti kasmā pucchati? Kiṃ bhagavā attānaṃ uddissa pabbajitabhāvaṃ na jānātīti? No na jānāti, apucchite pana kathā na patitthāti, apatitthitāya kathāya kathā na sañjāyatīti kathāpatitthāpanatthaṃ pucchi.

Disvā ca pana jāneyyāsīti tathāgataṃ buddhasiriyā virocantaṃ ayaṃ buddhoti sabbe jānanti. Anacchariyametthaṃ jānanaṃ, buddhasiriṃ pana paṭicchādetvā aññatarapiṇḍapātikavesena caranto dujjāno hoti. Iccāyasmā, pukkusāti, “na jāneyya”nti sabhāvameva katheti. Tathā hi naṃ ekakumbhakārasālāya nisinnampi na jānāti.

Etadahosīti maggadaraṭṭhassa vūpasamabhāvaṃ ñatvā ahosi. **Evamāvusoti** kulaputto saḥāyena pesitaṃ sāsanaṃ vācētvā rajjaṃ pahāya pabbajamāno – “dasabalassa madhuradhammadeśanaṃ sotuṃ labhissāmī”ti. Pabbajito, pabbajitvā ettakaṃ addhānaṃ āgacchanta – “dhammaṃ te bhikkhu desessāmī”ti padamattassa vattāraṃ nālattha, so “dhammaṃ te bhikkhu desessāmī”ti vuttaṃ kiṃ sakkaccaṃ na suñissati. Pipāsitasoḍḍo viya hi pipāsitaṭṭhā viya cāyaṃ, tasmā sakkaccaṃ savanaṃ paṭijānanta “evamāvuso”ti āha.

343. Chadhāturo ayanti bhagavā kulaputtassa pubbhāgapaṭipadam akathētvā āditova arahattassa padaṭṭhānabhūtaṃ accantasūññataṃ vipassanālakkaṇameva ācikkhituṃ āraddho. Yassa hi pubbhāgapaṭipadā aparisuddhā hoti, tassa paṭṭhamameva sīlasaṃvaraṃ indriyesu guttadvāraṭṭhaṃ bhojane mattaññutaṃ jāgariyānuyogaṃ satta saddhamme cattāri jhānānīti imaṃ pubbhāgapaṭipadam ācikkhati. Yassa panesā parisuddhā, tassa taṃ akathētvā arahattassa padaṭṭhānabhūtaṃ vipassanaṃ ācikkhati. Kulaputtassa ca pubbhāgapaṭipadā parisuddhā. Tathā hi anena sāsanaṃ vācētvā pāsādavaragateneva ānāpānecatutthajjhānaṃ nibbattitaṃ, yadassa dvānavutiyojanasabhaṃ āgacchantassa yānakiccaṃ sādhesi, sāmaṇerasīlampissa paripuṇṇaṃ. Tasmā pubbhāgapaṭipadam akathētvā arahattassa padaṭṭhānabhūtaṃ accantasūññataṃ vipassanālakkaṇamevassa ācikkhituṃ āraddho.

Tattha **chadhāturoti** dhātuyo vijjamaṇā, puriso avijjamaṇo. Bhagavā hi katthaci vijjamaṇena avijjamaṇaṃ dasseti, katthaci avijjamaṇena vijjamaṇaṃ, katthaci vijjamaṇena vijjamaṇaṃ, katthaci avijjamaṇena avijjamaṇanti sabbāsava vuttanayeneva vitthāretabbaṃ. Idha pana vijjamaṇena avijjamaṇaṃ dassento evamaḥa. Sace hi bhagavā purisoti paṇṇattiṃ vissajjetvā dhātuyo icceva vatvā cittaṃ upaṭṭhāpeyya, kulaputto sandehaṃ kareyya, sammohaṃ āpajjeyya, desanaṃ

sampannicchitum na sakkuneyya. Tasmā tathāgato anupubbena purisoti paṇṇattim pahāya “sattoti vā purisoti vā puggaloti vā paṇṇattimattameva, paramatthato satto nāma natthi, dhātumatteyeva cittaṃ t̥hapētvā t̥ṇi phalāni paṭivijjhāpessāmī”ti anaṅgaṇasutte (ma. ni. 1.57 ādayo) vuttabhāsantarakusalo tāya tāya bhāsāya sippaṃ uggaṇhāpento ācariyo viya evamāha.

Tattha cha dhātuyo assāti **chadhāturo**. Idaṃ vuttaṃ hoti – yaṃ tvam purisoti sañjānāsi, so chadhātuko, na cettha paramatthato puriso atthi, purisoti pana paṇṇattimattamevāti. Sesapadesupi eseva nayo. **Caturādhiṭṭhānoti** ettha adhiṭṭhānaṃ vuccati patitṭhā, catupatiṭṭhānoti attho. Idaṃ vuttaṃ hoti – svāyaṃ bhikkhu puriso chadhāturo chaphassāyatano aṭṭhārasamanopavicāro, so ettova vivaṭṭitvā uttamasiddhibhūtaṃ arahattaṃ gaṇhamāno imesu catūsu t̥hānesu patitṭhāya gaṇhātīti caturādhiṭṭhānoti. **Yattha t̥hitanti** yesu adhiṭṭhānesu patitṭhitam. **Maññassa vā nappavattantīti** maññassa vā mānassa vā nappavattanti. **Muni santoti vuccatīti** khīṇāsavamuni upasanto nibbutoti vuccati. **Paññaṃ nappamajjeyyāti** arahattaphalapaññāya paṭivijjhanatthaṃ āditova samādhivipassanāpaññaṃ nappamajjeyya. **Saccamanurakkheyyāti** paramatthasaccassa nibbānassa sacchikiriyatthaṃ āditova vacīsaccaṃ rakkheyya. **Cāgamanubrūheyyāti** arahattamaggena sabbakilesapariccāgakaraṇatthaṃ āditova kilesapariccāgaṃ brūheyya. **Santimeva so sikkheyyāti** arahattamaggena sabbakilesavūpasamanatthaṃ āditova kilesavūpasamaṃ sikkheyya. Iti paññādhiṭṭhānādīnaṃ adhigamatthāya imāni samathavipassanāpaññādīni pubbhāgādhiṭṭhānāni vuttāni.

345. Phassāyatananti phassassa āyatanam, ākaroti attho. **Paññādhiṭṭhānanti**ādīni pubbe vuttānaṃ arahattaphalapaññādīnaṃ vasena veditabbāni.

348. Idāni nikkhattamātikāvasena “yattha t̥hitam maññassa vā nappavattantī”ti vattabbaṃ bhaveyya, arahatte pana patte puna “paññaṃ nappamajjeyyā”tiādīhi kiccaṃ natthi. Iti bhagavā mātikaṃ uppaṭipāṭidhātukaṃ t̥hapetvāpi yathādharmavaseneva vibhaṅgaṃ vibhajanto **paññaṃ nappamajjeyyāti**ādīmāha. Tattha ko paññaṃ pamajjati, ko nappamajjati? Yo tāva imasmiṃ sāsane pabbajitvā vejjakammādivasena ekavīsatividhāya anesanāya jīvikam kappento pabbajjānurūpena cittuppādaṃ t̥hapetum na sakkoti, ayaṃ paññaṃ pamajjati nāma. Yo pana sāsane pabbajitvā sīle patitṭhāya buddhavacanaṃ uggaṇhitvā sappāyaṃ dhutaṅgaṃ samādāya cittarucitaṃ kammaṭṭhānaṃ gahetvā vivittaṃ senāsanam nissāya kasiṇaparikkammaṃ katvā samāpattiṃ patvā ajjeva arahattanti vipassanaṃ vaḍḍhetvā vicarati, ayaṃ paññaṃ nappamajjati nāma. Imasmiṃ pana sutte

dhātukammaṭṭhānavasena esa paññāya appamādo vutto. Dhātukammaṭṭhāne panettha yaṃ vattabbaṃ, taṃ heṭṭhā hatthipadopamasuttādīsu vuttameva.

354. Athāparaṃ viññāṇaṃyeva avasissatī ayampettha pāṭiyekko anusandhi. Heṭṭhato hi rūpakammaṭṭhānaṃ kathitaṃ, idāni arūpakammaṭṭhānaṃ vedanāvasena nibbattetvā dassetuṃ ayaṃ desanā āradhā. Yaṃ vā panetaṃ imassa bhikkhuno pathavīdhātuādīsu āgamanīyavipassanāvasena kammakāra-kaviññāṇaṃ, taṃ viññāṇadhātuvasena bhājetvā dassentopi imaṃ desanaṃ ārabhi. Tattha **avasissatī** kimatthāya avasissati? Satthu kathanatthāya kulaputtassa ca paṭivijjhanatthāya avasissati. **Parisuddhanti** nirupakkilesaṃ. **Pariyodātanti** pabhassaraṃ. **Sukhantipi vijānātī** sukhavedanaṃ vedayamāno sukhavedanaṃ vedayāmīti pajānāti. Sesapadadvayesupi eseva nayo. Sace paṇāyaṃ vedanākathā heṭṭhā na kathitā bhavēyya, idha ṭhatvā kathetuṃ vaṭṭeyya. Satipaṭṭhāne panesā kathitāvāti tattha kathitanayeneva veditabbā. **Sukhavedaniyanti** evamādi paccayavasena udayatthaṅgamanadassanatthaṃ vuttaṃ. Tattha **sukhavedaniyanti** sukhavedanāya paccayabhūtaṃ. Sesapadesupi eseva nayo.

360. Upekkhāyeva avasissatī ettāvataṃ hi yathā nāma chekena maṇikārācariyena vajirasūciyā vijjhivā cammakhaṇḍe pātetvā pātetvā dinnamuttaṃ antevāsiko gahetvā gahetvā suttagataṃ karonto muttolambakamuttajālādīni karoti, evameva bhagavatā kathetvā kathetvā dinnam kammaṭṭhānaṃ ayaṃ kulaputto manasikaronto manasikaronto paguṇaṃ akāsīti rūpakammaṭṭhānampissa arūpakammaṭṭhānampi paguṇaṃ jātaṃ, atha bhagavā “athāparaṃ upekkhāyeva avasissatī”ti āha.

Kimatthaṃ pana avasissatī? Satthu kathanatthaṃ. Kulaputtassa paṭivijjhanatthantipi vadanti, taṃ na gahetabbaṃ. Kulaputtana hi sahāyassa sāsanaṃ vācetvā pāsādāle ṭhiteneva ānāpānacatutthajjhānaṃ nibbattitaṃ, yadassa ettakaṃ maggaṃ āgacchantassa yānakiccaṃ sādheti. Satthu kathanatthaṃyeva avasissati. Imasmiñhi ṭhāne satthā kulaputtassa rūpāvacarajjhāne vaṇṇaṃ kathesi. Idañhi vuttaṃ hoti “bhikkhu paguṇaṃ tava idaṃ rūpāvacaracatutthajjhāna”nti. **Parisuddhātī**di tassāyeva upekkhāya vaṇṇabhāṇanaṃ. **Ukkaṃ bandheyyāti** aṅgārakapallaṃ sajjeyya. **Ālimpeyyāti** tattha aṅgāre pakkhipitvā aggim datvā nālikāya dhamento aggim jāleyya. **Ukkāmukhe pakkhipeyyāti** aṅgāre viyūhitvā aṅgāramatthake vā ṭhapeyya, tattake vā pakkhipeyya. **Niḥaṭanti** niḥaṭadosaṃ. **Ninnītakasāvanti** apanītakasāvaṃ. **Evameva khoti** yathā taṃ suvaṇṇaṃ icchicchitāya piḷandhanavikatīyā saṃvattati, evameva ayaṃ tāva catutthajjhānupekkhā vipassanā abhiññā nirodho bhavokkantīti imesu yaṃ icchati, tassatthāya hotīti vaṇṇaṃ kathesi.

Kasmā pana bhagavā imasmim rūpāvacaracatutthajjhāne nikantipariyādānattham avaṇṇam akathetvā vaṇṇam kathesīti. Kulaputtassa hi catutthajjhāne nikantipariyutthānam balavam. Sace avaṇṇam katheyya, – “mayham pabbajitvā dvānavutiyojanasatam āgacchantassa imam catutthajjhānam yānakiccam sādhesi, aham ettakam maggam āgacchanto jhānasukhena jhānaratiyā āgato, evarūpassa nāma paṇītdhammassa avaṇṇam katheti, jānam nu kho katheti ajāna”nti kulaputto saṃsayam sammohaṃ āpajjeyya, tasmā bhagavā vaṇṇam kathesi.

361. Tadanudhammanti ettha arūpāvacarajjhānam dhammo nāma, tam anugatatā rūpāvacarajjhānam **anudhammoti** vuttam. Vipākajjhānam vā dhammo, kusalajjhānam anudhammo. **Tadupādānāti** taggahaṇā. **Ciram dīghamaddhānanti** vīsaticappasahassāni. Vipākavasena hetam vuttam. Ito uttarimpi eseva nayo.

362. Evaṃ catūhi vārehi arūpāvacarajjhānassa vaṇṇam kathetvā idāni tasseva ādīnavam dassento **so evam pajānāti**tiādīmāha. Tattha **saṅkhatametanti** kiñcāpi ettha vīsaticappasahassāni āyu atthi, etam pana saṅkhatam pakappitam āyūhitam, karontena karīyati, aniccam adhuvam asassatam tāvakālikam, cavanaparibhedanavidhamsanadhammam, jātiyā anugatam, jarāya anusaṭam, maraṇena abbhāhatam, dukkhe patitthitam, atāṇam aleṇam asaraṇam asaraṇībhūtanti. Viññāṇācāyatanādīsipi eseva nayo.

Idāni arahattanikūṭena desanam gaṇhanto **so neva tam abhisāṅkharoti**tiādīmāha. Yathā hi cheko bhisakko visavikāram disvā vamanam kāretvā visam ṭhānato cāvetvā upari āropetvā khandham vā sīsam vā gahetum adatvā visam otāretvā pathaviyam pāteyya, evameva bhagavā kulaputtassa arūpāvacarajjhāne vaṇṇam kathesi. Tam sutvā kulaputto rūpāvacarajjhāne nikantiṃ pariyādāya arūpāvacarajjhāne patthanam ṭhapesi.

Bhagavā tam ṇatvā tam asampattassa appaṭiladdhasseva bhikkhuno “atthesā ākāsānañcāyatanādīsū sampatti nāma. Tesaṇhi paṭhamabrahmaloke vīsaticappasahassāni āyu, dutiye cattālīsam, tatiye satṭhi, catutthe caturāsīti kappasahassāni āyu. Tam pana aniccam adhuvam asassatam tāvakālikam, cavanaparibhedanavidhamsanadhammam, jātiyā anugatam, jarāya anusaṭam, maraṇena abbhāhatam, dukkhe patitthitam, atāṇam aleṇam asaraṇam asaraṇībhūtam, ettakam kālam tattha sampattiṃ anubhavitvāpi puthujjanakālakiriyam katvā puna catūsū apāyesū patitabba”nti sabbametam ādīnavam ekapadeneva “saṅkhatameta”nti kathesi. Kulaputto tam sutvā arūpāvacarajjhāne nikantiṃ pariyādiyi, bhagavā tassa rūpāvacarārūpāvacaresu nikantiyā pariyādinnabhāvam ṇatvā arahattanikūṭam gaṇhanto “so neva tam abhisāṅkharoti”tiādīmāha.

Yathā vā paneko mahāyodho ekaṃ rājānaṃ ārādheta sataṣaṣṣuṭṭhānakam gāmaṃ tena laddha”nti – “nāyaṃ tāta gāmo tuyhaṃ anucchaviko, aññaṃ catusaṣṣuṭṭhānakam gaṇhāhi”ti dadeyya so sādhu devāti taṃ vissajjeta itaraṃ gāmaṃ gaṇheyya. Rājā asampattameva ca naṃ pakkosāpetvā – “kiṃ te tena, ahivātarogo ettha uppajjati? Asukasmim̐ pana tṭhāne mahantaṃ nagaraṃ atthi, tatha chattaṃ ussāpetvā rajjaṃ kārehi”ti paṇeṣeṣe, so tathā kareyya.

Tatha rājā viya sammāsambuddho daṭṭhabbo, mahāyodho viya pukkusaṭi kulaputto, paṭhamaladdhagāmo viya ānāpānecatutthajjhānaṃ, taṃ vissajjeta itaraṃ gāmaṃ gaṇhāhiṭi vuttakālo viya ānāpānecatutthajjhāne nikantipariyādānaṃ katvā āruppakathanaṃ, taṃ gāmaṃ asampattameva pakkosāpetvā “kiṃ te tena, ahivātarogo ettha uppajjati? Asukasmim̐ tṭhāne nagaraṃ atthi, tatha chattaṃ ussāpetvā rajjaṃ kārehi”ti vuttakālo viya arūpe saṅkhatametanti ādīnavakathanaṃ appattāsuyeva tāsū samāpattīsū paṭthanaṃ nivatthāpetvā upari arahattanikūṭena desanāgahaṇaṃ.

Tatha **neva abhisankharoti** nāyūhati na rāsīm karoti. **Na abhisāncetayati** na kappeti. **Bhavāya vā vibhavāya vāti** vuddhiyā vā parihāniyā vā, sassaṭṭhedaṣaṣṣaṇaṇi yojetabbaṃ. **Na kiñci loke upādiyatīti** loke rūpādīsū kiñci ekadhammampi taṇhāya na gaṇhāti, na parāmasati. **Nāparaṃ itthattāyāti pajānāti**ti bhagavā attano buddhavisaye tṭhatvā desanāya arahattanikūṭaṃ gaṇhi. Kulaputto pana attano yathopanissayena tīṇi sāmāññaphalāni paṭivijjhi. Yathā nāma rājā suvaṇṇabhājanena nānārasabhojanaṃ bhuñjanto attano pamāṇena piṇḍaṃ vaṭṭetaṃ aṅke nisinnena rājakumārena piṇḍamhi ālaye dassite taṃ piṇḍaṃ upanāmeyya, kumāro attano mukhappamāṇeṇeva kabaḷaṃ kareyya, sesaṃ rājā sayam vā bhuñjeyya, pātiyaṃ vā pakkhipeyya, evaṃ dhammarājā tathāgato attano pamāṇena arahattanikūṭaṃ gaṇhanto desanaṃ desesi, kulaputto attano yathopanissayena tīṇi sāmāññaphalāni paṭivijjhi.

Ito pubbe panassa khandhā dhātuyo āyatanānīti evarūpaṃ accantasūñṇataṃ tilakkhaṇāhataṃ kathaṃ kathentassa neva kaṅkhā, na vimati, nāpi – “evaṃ kira taṃ, evaṃ me ācariyena vutta”nti iti kira na dandhāyitattaṃ na vitthāyitattaṃ atthi. Ekaccesu ca kira tṭhānesu buddhā aññātakavesena vicaranti, sammāsambuddho nu kho esoti ahudeva saṃsayo, ahu vimati. Yato anena anāgāmiphalaṃ paṭividdhaṃ, atha ayaṃ me satthāti niṭṭhaṃ gato. Yadi evaṃ kasmā accayaṃ na desesīti. Okāsābhāvato. Bhagavā hi yathānikkhattāya mātikāya acchinnadhāraṃ katvā ākāsagaṅgaṃ otārento viya desanaṃ desesiyeva.

363. Soti arahā. **Anajjhositāti** gilitvā pariniṭṭhāpetvā gahetuṃ na yutthāti pajānāti. **Anabhinanditāti** taṇhādiṭṭhivasena abhinandituṃ na yuttāti pajānāti.

364. **Viṣaṃyutto naṃ vedetīti** sace hissa sukhavedanaṃ ārabba rāgānusayo, dukkhavedanaṃ ārabba paṭighānusayo, itaraṃ ārabba avijjānusayo uppajjeyya, saṃyutto vediyeyya nāma. Anuppajjanato pana viṣaṃyutto naṃ vedeti nissaṭṭo vippamutto. **Kāyapariyantikanti** kāyakoṭikaṃ. Yāva kāyapavattā uppajjitvā tato paraṃ anuppajjanavedananti attho. Dutiyapadepi eseva nayo. **Anabhinanditāni sītībhavissantīti** dvādasasu āyatanesu kilesānaṃ visevanassa natthitāya anabhinanditāni hutvā idha dvādasasuyeva āyatanesu nirujjhissanti. Kilesā hi nibbānaṃ āgamma niruddhāpi yattha natthi, tattha niruddhāti vuccanti. Svāyamattho – “etthesā taṇhā nirujjhamānā nirujjhatī”ti samudayapañhena dīpetabbo. Tasmā bhagavā nibbānaṃ āgamma sītībhūtānipi idheva sītībhavissantīti āha. Nanu ca idha vedayitāni vuttāni, na kilesāti. Vedayitānipi kilesābhāveneva sītībhavanti. Itarathā nesam sītībhāvo nāma natthīti suvuttametam.

365. **Evameva khoti** ettha idaṃ opammaṃsandanaṃ – yathā hi eko puriso telapadīpassa jhāyato tele khīṇe telam āsiñcati, vaṭṭiyā khīṇāya vaṭṭim pakkhipati, evaṃ dīpasikhāya anupacchedova hoti, evameva puthujjano ekasmiṃ bhava tthito kusalākusalam karoti, so tena sugatiyañca apāyesu ca nibbattatiyeva, evaṃ vedanānaṃ anupacchedova hoti. Yathā paneko dīpasikhāya ukkaṇṭhito – “imaṃ purisaṃ āgamma dīpasikhā na upacchijjati”ti nilīno tassa purisassa sīsam chindeyya, evaṃ vaṭṭiyā ca telassa ca anupahārā dīpasikhā anāhārā nibbāyati, evameva vaṭṭe ukkaṇṭhito yogāvacarō arahattamaggena kusalākusalam samucchindati, tassa samucchinnattā khīṇāsavassa bhikkhuno kāyassa bhedaṃ puna vedayitāni na uppajjantīti.

Tasmāti yasmā ādimhi samādhivipassanāpaññāhi arahattaphalapaññā uttaritarā, tasmā. Evaṃ samannāgatoti iminā uttamena arahattaphalapaññādhīṭṭhānena samannāgato. Sabbadukkhakkhaye ñāṇaṃ nāma arahattamagge ñāṇaṃ, imasmiṃ pana sutte arahattaphale ñāṇaṃ adhippetam. Tenevāha tassa sā vimutti sacce tthitā akuppā hotīti.

366. Ettha hi **vimuttīti** arahattaphalavimutti, **saccanti** paramatthasaccam nibbānaṃ. Iti akuppārammaṇakaraṇena **akuppāti** vuttā. **Musāti** vitathaṃ. **Mosadhammanti** nassanasabhāvaṃ. **Tam saccanti** tam avitathaṃ sabhāvo. **Amosadhammanti** anassanasabhāvaṃ.

Tasmāti yasmā ādito samathavipassanāvasena vacīsaccato dukkhasaccasamudayasaccehi ca paramatthasaccam nibbānameva uttaritaram,

tasmā. **Evam samannāgatoti** iminā uttamena paramatthasaccādhiṭṭhānena samannāgato.

367. Pubbeti puthujjanakāle. **Upadhī hontīti** khandhūpadhi kilesūpadhi abhisāṅkhārūpadhi pañcakāmaguṇūpadhīti ime upadhayo honti. **Samattā samādināti** paripūrā gahitā paramatṭhā. **Tasmāti** yasmā ādito samathavipassanāvasena kilesapariccāgato, sotāpattimaggādīhi ca kilesapariccāgato arahattamaggeneva kilesapariccāgo uttaritaro, tasmā. **Evam samannāgatoti** iminā uttamena cāgādhiṭṭhānena samannāgato.

368. Āghātotiādīsu āghātakaraṇavasena āghāto, byāpajjanavasena **byāpādo**, sampadussanavasena **sampadosoti** tīhi padehi dosākusalamūlameva vuttaṃ. **Tasmāti** yasmā ādito samathavipassanāvasena kilesavūpasamato, sotāpattimaggādīhi kilesavūpasamato ca arahattamaggeneva kilesavūpasamo uttaritaro, tasmā. **Evam samannāgatoti** iminā uttamena upasamādhiṭṭhānena samannāgato.

369. Maññitametanti taṅhāmaññitaṃ mānamaññitaṃ ditṭhimaññitanti tividhampi vaṭṭati. **Ayamahasmīti** ettha pana ayamahanti ekaṃ taṅhāmaññitameva vaṭṭati. **Rogotiādīsu** ābādhaṭṭhena **rogo**, antodosatṭhena **ganḍo**, anupaviṭṭhatṭhena **sallaṃ**. **Muni santoti vuccatīti** khīṇāsavamuni santo nibbutoti vuccati. **Yattha ṭhitanti** yasmim ṭhāne ṭhitaṃ. **Samkhittenāti** buddhānaṃ kira sabbāpi dhammadesanā samkhittāva, vitthāradesanā nāma natthi, samantapatṭhānakathāpi samkhittāyeva. Iti bhagavā desanaṃ yathānusandhim pāpesi. Ugghāṭitaññūtiādīsu pana catūsu puggalesu pukkusāti kulaputto vipaṅcitaññū, iti vipaṅcitaññūvasena bhagavā imaṃ dhātuvibhaṅgasuttaṃ kathesi.

370. Na kho me, bhante, paripuṇṇaṃ pattacīvaranti kasmā kulaputtassa iddhimayapattacīvaraṃ na nibbattanti. Pubbe aṭṭhannaṃ parikkhārānaṃ adinnattā. Kulaputto hi dinnadāno katābhinihāro, na dinnattāti na vattabbaṃ. Iddhimayapattacīvaraṃ pana pacchimabhavikānaṃyeva nibbattati, ayaṅca punapaṭisandhiko, tasmā na nibbattanti. Atha bhagavā sayam pariyesitvā kasmā na upasampādesīti. Okāsābhāvato. Kulaputtassa āyu parikkhīnaṃ, suddhāvāsiko anāgāmī mahābrahmā kumbhakārasālaṃ āgantvā nisinno viya ahosi. Tasmā sayam na pariyesi.

Pattacīvarapariyesanaṃ pakkāmīti kāya velāya pakkāmi? Uṭṭhite aruṇe. Bhagavato kira dhammadesanāpariniṭṭhānaṅca aruṇuṭṭhānaṅca rasmivissajjanaṅca ekakkhaṇe ahosi. Bhagavā kira desanaṃ niṭṭhapetvāva chabbaṇṇarasmiyo vissajji, sakalakumbhakāranivesanaṃ ekapajjotaṃ ahosi, chabbaṇṇarasmiyo jālajālā

puñjapuñjā hutvā vidhāvantiyo sabbadisābhāge suvaṇṇapaṭapariyonaddhe viya ca nānāvaṇṇakusumaratanavisarasamujjale viya ca akaṃsu. Bhagavā “nagaravāsino maṃ passantū”ti adhiṭṭhāsi. Nagaravāsino bhagavantaṃ disvāva “sathā kira āgato, kumbhakārasālāya kira nisinno”ti aññamaññassa ārocetvā rañño ārocesuṃ.

Rājā āgantvā sathhāraṃ vanditvā, “bhante, kāya velāya āgatathā”ti pucchi. Hiyyo sūriyatthaṅgamanavelāya mahārājāti. Kena kamma bhagavāti? Tumhākaṃ sahāyo pukkusāti rājā tumhehi pahitaṃ sāsanaṃ sutvā nikkhamitvā pabbajitvā maṃ uddissa āgacchanto sāvattim atikkamma pañcacattālīsa yojanāni āgantvā imaṃ kumbhakārasālaṃ pavisitvā nisīdi, ahaṃ tassa saṅghatthaṃ āgantvā dhammakathaṃ kathesiṃ, kulaputto tīṇi phalāni paṭivijjhi mahārājāti. Idāni kahaṃ, bhanteti? Upasampadaṃ yācitvā aparipuṇṇapattacīvaratāya pattacīvarapariyesanattaṃ gato mahārājāti. Rājā kulaputtassa gatadisābhāgena agamāsi. Bhagavāpi ākāsenāgantvā jetavanagandhakuṭimhiyeva pāturahosi.

Kulaputtopi pattacīvaraṃ pariyesamāno neva bimbisārarañño na takkasīlakānaṃ jaṅghavāṇijānaṃ santikaṃ agamāsi. Evaṃ kirassa ahosi – “na kho me kukkuṭassa viya tattha tattha manāpāmanāpameva vicinitvā pattacīvaraṃ pariyesituṃ yuttaṃ, mahantaṃ nagaraṃ vajjitvā udakatitthasusānasānkāraṭṭhānaantaravīthīsu pariyesissāmī”ti antaravīthiyaṃ saṅkārakūtesu tāva pilotikaṃ pariyesituṃ āradhho.

Jvitā voropesīti etasmim saṅkārakūṭe pilotikaṃ olokentaṃ vibbhantā taruṇavacchā gāvī upadhāvitvā siṅgena vijjhivā ghātesī. Chātakajjhatto kulaputto ākāseyeva āyukkhaṃ patvā patito. Saṅkārāṭṭhāne adhomukhaṭṭhapitā suvaṇṇapaṭimā viya ahosi, kālaṅkato ca pana avihābrahmaloke nibbatti, nibbattamattova arahattaṃ pāpuṇi. Avihābrahmaloke kira nibbattamattāva satta janā arahattaṃ pāpuṇimsu. Vuttañhettaṃ –

“Avihaṃ upapannāse, vimuttā satta bhikkhavo;
Rāgadosaparikkhīṇā, tiṇṇā loke visattikaṃ.
Ke ca te ataruṃ paṅkaṃ, maccudheyyaṃ suduttaraṃ;
Ke hitvā mānusaṃ dehaṃ, dibbayogaṃ upaccagaṃ.
Upako palagaṇḍo ca, pukkusāti ca te tayo;
Bhaddiyo khaṇḍadevo ca, bāhuraggi ca siṅgiyo;
Te hitvā mānusaṃ dehaṃ, dibbayogaṃ upaccagu”nti. (saṃ. ni. 1.50, 105);

Bimbisāropi “mayhaṃ sahāyo mayā pesitasāsanamattaṃ vācetvā hatthagatam rajjaṃ pahāya ettakaṃ addhānaṃ āgato, dukkaraṃ kataṃ kulaputtena, pabbajitasakkārena taṃ sakkarissāmī”ti “pariyesatha me sahāyaka”nti tattha tattha pesesi. Pesitā taṃ addasaṃsu saṅkārāṭṭhāne patitaṃ, disvā āgamma rañño ārocesuṃ.

Rājā gantvā kulaputtam disvā – ‘‘na vata, bho, labhimhā sahāyakassa sakkāram kātuṃ, anātho me jāto sahāyako’’ti. Paridevitvā kulaputtam mañcakena gaṇhāpetvā yuttokāse ṭhapetvā anupasampannassa sakkāram kātuṃ jānanābhāvena nhāpakakappakādayo pakkosāpetvā kulaputtam sīsam nhāpetvā suddhavatthāni nivāsāpetvā rājavesena alaṅkārāpetvā sovaṇṇasivikaṃ āropetvā sabbatāḷāvacaragandhamālādīhi pūjaṃ karonto nagarā nīharitvā bahūhi gandhakaṭṭhehi mahācitakaṃ kāretvā kulaputtassa sarīrakiccaṃ katvā dhātuyo ādāya cetiyaṃ patitṭhapesi. Sesam sabbattha uttānamevāti.

Papañcasūdaniyā majjhimanikāyaṭṭhakathāya

Dhātuvibhaṅgasuttavaṇṇanā niṭṭhitā.